

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Phương

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ
SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI SÓC SƠN**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Phương

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Phương

Mã SV: 1012401397

Lớp: QT1406K

Ngành: Kế toán-Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và
tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ Phần Đầu Tư
Xây Dựng và Thương Mại Sóc Sơn

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày các cơ sở lý luận về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp
 - Phân tích thực trạng tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Sóc Sơn
 - Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Sóc Sơn
 2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp
 - Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp
 - Hệ thống sổ kế toán liên quan đến công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Sóc Sơn, sử dụng số liệu năm 2013.
 3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:
 - Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Sóc Sơn
 - Địa chỉ: Tổ 4 – Thị trấn Sóc Sơn – H. Sóc Sơn – Hà Nội
-

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Phạm Văn Tường**

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng và Thương Mại Sóc Sơn

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 03 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 6 tháng 7 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Nguyễn Thị Phương

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Phạm Văn Tường

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Thái độ nghiêm túc, ham học hỏi, có nhiều cố gắng, nỗ lực trong quá trình nghiên cứu và làm đề tài tốt nghiệp. Trách nhiệm cao, chịu khó, có tinh thần cầu thị, khiêm tốn, nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu.
- Thường xuyên liên hệ với giáo viên hướng dẫn để trao đổi và xin ý kiến về các nội dung trong đề tài. Tiếp thu nhanh, vận dụng tốt lý thuyết với thực tiễn làm cho bài viết thêm sinh động
- Đảm bảo đúng tiến độ thời gian theo quy định của Nhà trường và Khoa trong quá trình làm tốt nghiệp

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Khóa luận tốt nghiệp được chia thành ba chương có bố cục và kết cấu cân đối, hợp lý.
- Mục tiêu, nội dung và kết quả nghiên cứu rõ ràng. Tác giả đã nêu bật được các vấn đề cơ sở lý luận và thực tiễn công tác kế toán tập hợp CPSX và tính giá thành SP tại công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Sóc Sơn
- Các giải pháp về hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm mà tác giả đề xuất có tính khả thi và có thể áp dụng được tại doanh nghiệp.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

- Điểm số:
- Điểm chữ:..... điểm.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 6 năm 2014
Cán bộ hướng dẫn

Ths. Phạm Văn Tường

MỤC LỤC

DANH MỤC SƠ ĐỒ

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TRONG CÁC DOANH NGHIỆP XÂY LẮP	3
1.1 Những vấn đề chung về chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp xây lắp.....	3
1.1.1 Đặc điểm của ngành xây lắp và sản phẩm xây lắp có ảnh hưởng đến công tác kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm	3
1.1.2 Khái niệm chi phí xây lắp	4
1.1.3 Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố chi phí.....	4
1.1.3.1 Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố (theo nội dung, tính chất kinh tế).....	4
1.1.3.2 Phân loại chi phí xây lắp theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm....	5
1.1.3.3 Phân loại theo mối quan hệ của chi phí với khối lượng hoạt động.....	5
1.1.3.4 Phân loại chi phí theo phương pháp tập hợp chi phí và mối quan hệ với đối tượng chịu chi phí.	5
1.2 Những vấn đề chung về giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.....	6
1.2.1 Khái niệm và bản chất của giá thành sản phẩm	6
1.2.2 Phân loại giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.....	6
1.3 Yêu cầu và nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp	8
1.4 Kế toán chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp xây lắp.....	9
1.4.1 Đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất	9
1.4.1.1 Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất.....	9
1.4.1.2 Đối tượng tính giá thành sản phẩm	9
1.4.1.3 Phương pháp tập hợp CPSX.	10
1.4.2 Kế toán chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp xây lắp.....	11
1.4.2.1 Tài khoản sử dụng	11
1.4.2.2 Chứng từ sử dụng	11
1.4.2.3 Kế toán chi phí NVL trực tiếp.....	11
1.4.2.4 Kế toán chi phí nhân công trực tiếp (NCTT)	12
1.4.2.5 Kế toán chi phí sử dụng máy thi công	12
1.4.2.6 Kế toán chi phí sản xuất chung	13
1.5 Tổng hợp chi phí sản xuất và đánh giá sản phẩm dở dang	15

1.5.1 Tổng hợp chi phí sản xuất theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	15
1.5.2 Tổng hợp chi phí sản xuất theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	17
1.5.3 Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang.....	18
1.6 Phương pháp tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp.....	19
1.6.1 Đối tượng tính giá thành sản phẩm.....	19
1.6.2 Kỳ tính giá thành sản phẩm xây lắp.....	20
1.6.3 Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp.....	20
1.7 Hình thức ghi sổ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.....	22
1.7.1 Hình thức nhật ký chung.....	22
1.7.2 Hình thức Nhật ký-Sổ cái.....	23
1.7.3 Hình thức Chứng từ ghi sổ.....	24
1.7.4 Hình thức Nhật ký chứng từ.....	25
1.7.5 Hình thức Kế Toán Máy.....	26
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG & THƯƠNG MẠI SÓC SƠN.....	27
2.1 Khái quát chung về Công ty Cổ Phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Sóc Sơn.....	27
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển.....	27
2.1.2 Đặc điểm tổ chức sản xuất.....	29
2.1.2.1 Tìm hiểu các giai đoạn thực hiện công trình xây dựng.....	29
2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	30
2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty.....	32
2.1.4.1 Hình thức sổ kế toán của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây dựng & Thương Mại Sóc Sơn.....	35
2.1.4.2 Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán.....	37
2.1.4.3 Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính.....	38
2.2 Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp ở Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng và Thương Mại Sóc Sơn.....	38
2.2.1 Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	39
2.2.2 Kế toán chi phí nhân công trực tiếp (NCTT).....	48
2.2.3 Kế toán chi phí sử dụng máy thi công.....	56
2.2.4 Kế toán chi phí sản xuất chung.....	61
2.2.5 Kế toán tổng hợp chi phí và kiểm kê đánh giá sản phẩm dở dang.....	73
2.2.6 Tổ chức tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng và Thương Mại Sóc Sơn.....	73
2.2.6.1 Đối tượng và phương pháp tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng và Thương Mại Sóc Sơn.....	73

2.2.6.2 Tính giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành.....	74
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ Ý KIẾN NHẬN XÉT VÀ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG & THƯƠNG MẠI SÓC SƠN.....	77
3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần Đầu Tư Xây Dựng &Thương Mại Sóc Sơn.....	77
3.1.1 Ưu điểm.....	78
3.1.2 Nhược điểm.....	79
3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán Chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng & Thương Mại Sóc Sơn	81
3.2. 1 Tính tất yếu phải hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng & Thương Mại Sóc Sơn.....	81
3.3. Nội dung và giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng & Thương Mại Sóc Sơn	82
3.3.1. Yêu cầu của công tác hoàn thiện.....	82
3.3.2. Một số giải pháp.....	82
3.3.2.1 Ý kiến thứ nhất: Về chi phí nguyên vật liệu	82
3.3.2.2 Ý kiến thứ hai: Về việc tiến hành trích các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN) đối với công nhân trực tiếp xây lắp.....	83
3.3.2.3 Ý kiến thứ 3: Về việc sử dụng tài khoản 154 cấp 2 và sổ sách sử dụng để hạch toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại doanh nghiệp	84
3.3.2.4 Ý kiến 4: Hoàn thiện hạch toán chi phí thiệt hại trong sản xuất.....	86
3.3.2.5 Ý kiến thứ 5: Tiến hành trích lập dự phòng chi phí bảo hành công trình xây lắp:	86
3.3.2.5 Ý kiến thứ 6: Việc luân chuyển chứng từ.....	87
3.3.2.6 Ý kiến thứ 7: Vấn đề ứng dụng phần mềm kế toán ở Công ty	88
3.3.4. Điều kiện thực hiện các giải pháp.....	89
KẾT LUẬN	90
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	91

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1 Sơ đồ hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	16
Sơ đồ 1.2: Hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.	17
Sơ đồ 1.3:Kế toán chi phí sản xuất kinh doanh và tính giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật Ký Chung	22
Sơ đồ 1.4 Kế toán chi phí sản xuất kinh doanh và tính giá thành sản phẩm theo hình thức: Nhật ký - sổ cái	23
Sơ đồ 1.5 Kế toán chi phí sản xuất kinh doanh và tính giá thành sản phẩm Theo hình thức: Chứng từ ghi sổ.....	24
Sơ đồ 1.6 Kế toán chi phí sản xuất kinh doanh và tính giá thành sản phẩm theo hình thức: Nhật ký - chứng từ	25
Sơ đồ 1.7 Kế toán chi phí sản xuất kinh doanh và tính giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy vi tính	26
Sơ đồ 2.2: Quy trình công nghệ xây lắp tại doanh nghiệp.....	29
Sơ đồ 2.3: Cơ cấu tổ chức của công ty CPĐTXD & TM Sóc Sơn.....	31
Sơ đồ 2.4 Sơ đồ bộ máy kế toán.....	33
Sơ đồ 2.5 Trình tự ghi sổ chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký chung	37

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 2.1: Phiếu xuất kho	42
Biểu 2.2: Hoá đơn GTGT mua NVL.....	44
Biểu 2.3 Trích sổ Nhật ký Chung- chi phí NVLTT	45
Biểu 2.4 Trích sổ cái TK 154- Chi phí NVLTT.....	46
Biểu 2.5 Trích sổ chi phí sản xuất kinh doanh-TK1541:CPNVLTT	47
Biểu 2.6 Hợp đồng giao khoán	49
Biểu 2.7 Biên bản thanh lý hợp đồng.....	51
Biểu số 2.8 Giấy báo nợ	52
Biểu 2.9 Trích sổ Nhật Ký Chung	53
Biểu 2.10 Trích sổ cái TK 154- CPNCTTXL.....	54
Biểu 2.11 Trích sổ chi phí sản xuất kinh doanh-TK1542: CP NCTTXL	55
Biểu 2.12 Hoá đơn GTGT về thuê máy thi công	57
Biểu 2.13 Trích sổ Nhật Ký Chung- CPSDMTC	58
Biểu 2.14 Trích sổ cái TK 154- chi phí SDMTC.....	59
Biểu 2.15 Trích sổ chi phí sản xuất kinh doanh-TK1544: chi phí SDMTC	60
Biểu 2.16: Bảng phân bổ lương và bảo hiểm xã hội	62
Biểu 2.17. BẢNG KÊ CCDC TRONG CÔNG TRÌNH.....	64
Biểu 2.18 Hóa đơn GTGT tiền điện tháng 10.....	65
Biểu 2.19 Phiếu chi thanh toán tiền điện ở xí nghiệp xây lắp 1.....	66
<i>Biểu 2.20: Bảng tổng hợp chi phí sản xuất chung</i>	<i>67</i>
Biểu 2.21 Trích sổ Nhật ký Chung- CPSXC	68
Biểu 2.22 Trích sổ cái TK 154- CPSXC.....	69
Biểu 2.23 Trích sổ chi phí sản xuất kinh doanh- CPSXC	84
Biểu 2.24: Thẻ tính giá thành.....	75
Biểu 2.25 Phiếu kế toán.....	75

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	NGHĨA	TỪ VIẾT TẮT	NGHĨA
CP	Cổ Phần	CCDC	Công cụ dụng cụ
ĐT	Đầu Tư	TK	Tài khoản
XD	Xây Dựng	GTGT	Giá trị gia tăng
SS	Sóc Sơn	BTC	Bộ Tài Chính
LNTT	Lợi nhuận trước thuế	CT	Công Trình
LNST	Lợi nhuận sau thuế	HMCT	Hạng mục công trình
DN	doanh nghiệp	HĐ	Hợp đồng
TSCĐ	Tài sản cố định	GBN	Giấy báo nợ
TSCP	Tỉ suất chi phí	XDCB	Xây dựng cơ bản
CPNVL	Chi phí Nguyên vật liệu	HĐQT	Hội đồng quản trị
CPNCTTXL	Chi phí nhân công trực tiếp xây lắp	LNTT	Lợi nhuận trước thuế
CPSDMTC	Chi phí sử dụng máy thi công	QĐ	Quyết định
CPSXC	Chi phí sản xuất chung p	XDCB	Xây dựng cơ bản
BHXH	Bảo hiểm xã hội	CPSX	Chi phí sản xuất
BHYT	Bảo hiểm y tế	DDĐK	Dở dang đầu kỳ
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp	DDCK	Dở dang cuối kỳ
KPCĐ	Kinh phí công đoàn	KLXL	Khối lượng xây lắp

LỜI MỞ ĐẦU

Ngày nay trong giai đoạn toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế, chính là thời điểm mà cả những thuận lợi và khó khăn đan xen. Vậy nên doanh nghiệp muốn đứng vững và phát triển trên thị trường phải chấp nhận cạnh tranh và tìm cho mình một phương án kinh doanh đạt hiệu quả nhất. Đồng thời các doanh nghiệp cũng phải có chính sách đúng đắn và quản lý chặt chẽ mọi hoạt động kinh tế. Để thực hiện được điều đó doanh nghiệp phải thực hiện một cách đồng bộ các yếu tố cũng như các khâu trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Xây dựng cơ bản là một ngành sản xuất vật chất tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền kinh tế quốc dân. Sản phẩm ngành xây dựng không chỉ đơn thuần là những công trình có giá trị lớn, thời gian sử dụng lâu dài, có ý nghĩa về mặt kinh tế mà còn là những công trình có tính thẩm mỹ cao thể hiện phong cách, lối sống của dân tộc đồng thời có ý nghĩa quan trọng về văn hoá – xã hội.

Do đó vấn đề đặt ra là làm sao để quản lý và sử dụng vốn một cách hiệu quả, khắc phục được tình trạng lãng phí, thất thoát vốn trong điều kiện sản xuất kinh doanh xây lắp phải trải qua nhiều giai đoạn (thiết kế, lập dự toán, thi công, nghiệm thu....) và thời gian kéo dài.

Chính vì thế, hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một trong những công việc hết sức quan trọng trong vấn đề quản lý kinh tế. Chi phí sản xuất được tập hợp một cách chính xác kết hợp với tính đầy đủ giá thành sản phẩm sẽ góp phần tích cực vào việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực kinh tế.

Nhận thấy được điều đó, sau thời gian thực tập tại công ty CP Đầu Tư Xây Dựng & Thương Mại Sóc Sơn em lựa chọn đề tài: “**Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng & Thương Mại Sóc Sơn**”. Nội dung bài khoá luận của em gồm ba phần:

Chương I: Những vấn đề chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp trong các doanh nghiệp xây lắp.

Chương II: Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng & Thương Mại Sóc Sơn.

Chương III: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty CP Đầu Tư Xây Dựng & Thương Mại Sóc Sơn.

Em xin chân thành cảm ơn ThS. Phạm Văn Tường đã tận tình hướng dẫn giúp em hoàn thành bài khoá luận này. Và em cũng xin cảm ơn các anh, chị trong phòng kế toán của công ty đã nhiệt tình chỉ bảo, cung cấp số liệu thực tế để em có thể có hoàn thành bài khoá luận tốt hơn và có thêm nhiều kinh nghiệm thực tế.

Do thời gian ngắn và trình độ bản thân còn nhiều hạn chế nên bài làm của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các thầy cô để bài khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

Sinh viên

Nguyễn Thị Phương

CHƯƠNG I

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TRONG CÁC DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

1.1 Những vấn đề chung về chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp xây lắp

1.1.1 Đặc điểm của ngành xây lắp và sản phẩm xây lắp có ảnh hưởng đến công tác kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm

Sau những năm thực hiện chuyển đổi cơ chế quản lý kinh doanh mới, cũng như tất cả các ngành trong cả nước, ngành XDDB ngày một thích nghi và phát triển. Với mục tiêu hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, được Đảng và Nhà nước quan tâm nhiều hơn. Sản phẩm xây lắp là những công trình, hạng mục công trình (CT, HMCT), vật kiến trúc ... có qui mô lớn, kết cấu phức tạp, mang tính đơn chiếc, thời gian thi công kéo dài và phân tán.

Vì vậy, trước khi tiến hành xây lắp, sản phẩm xây lắp đều phải qua khâu dự án rồi đến dự toán công trình, dự toán thiết kế, dự toán thi công phải lập cho từng phần của công việc. Trong suốt quá trình xây lắp phải lập giá dự toán làm thước đo về cả mặt giá trị và kỹ thuật.

Sản phẩm xây lắp cố định tại nơi sản xuất, còn tất cả các điều kiện sản xuất khác như lao động, vật tư...đều phải di chuyển theo đặc điểm công trình xây lắp. Mặt khác hoạt động xây lắp lại tiến hành ngoài trời thường chịu ảnh hưởng của điều kiện thiên nhiên và môi trường: mưa, gió, nóng, ẩm... dễ dẫn đến tình trạng mất mát, hư hỏng vì công tác quản lý, sử dụng và hạch toán vật tư, tài sản gặp nhiều khó khăn và phức tạp.

Sản phẩm hoàn thành không nhập kho mà tiêu thụ ngay theo giá dự toán (giá thanh toán với chủ đầu tư bên A) hoặc giá thỏa thuận (cũng được xác định trên dự toán công trình). Do đó tính chất sản phẩm hàng hóa thể hiện không rõ.

Thời gian sử dụng sản phẩm lâu dài đòi hỏi việc quản lý, tổ chức sao cho chất lượng công trình phải đảm bảo và phải phản ánh đúng theo từng thời điểm phát sinh. Từ những đặc điểm trên của sản phẩm xây lắp mà công tác kế toán của các đơn vị kinh doanh xây lắp nói trên phải đảm bảo yêu cầu chung của một đơn vị sản xuất. Ghi chép tính toán đầy đủ chi phí và giá thành sản phẩm vừa phải thực hiện phù hợp với ngành nghề, đúng với chức năng kế toán của mình,

nhằm cung cấp số liệu chính xác kịp thời, đánh giá đúng tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, cố vấn cho lãnh đạo trong việc tổ chức, quản lý để đạt mục đích kinh doanh của công ty.

1.1.2 Khái niệm chi phí xây lắp

Chi phí sản xuất xây lắp là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí mà doanh nghiệp phải tiêu dùng trong một kỳ để thực hiện quá trình xây lắp, thực chất chi phí là sự dịch chuyển vốn – chuyển dịch các yếu tố sản xuất vào các đối tượng tính giá.

Chi phí sản xuất phụ thuộc vào hai yếu tố:

- Khối lượng lao động và tư liệu sản xuất đã chi ra trong một thời kỳ nhất định.
- Giá cả tư liệu sản xuất đã tiêu hao trong sản xuất và tiền lương công nhân.

Theo khái niệm trên thì chi phí xây lắp là biểu hiện bằng tiền của doanh nghiệp vào quá trình xây lắp. Nó bao gồm toàn bộ các hao phí về lao động sống, lao động vật hoá mà doanh nghiệp đã bỏ ra có liên quan đến quá trình xây lắp trong một chu kỳ nhất định của doanh nghiệp thường theo một tháng, quý, năm... Như vậy chỉ được tính vào chi phí của kỳ hạch toán những hao phí về tài sản và lao động có liên quan đến hoạt động xây lắp trong kỳ chứ không phải mọi khoản chi ra đều được hạch toán vào chi phí xây lắp.

1.1.3 Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố chi phí.

1.1.3.1 Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố (theo nội dung, tính chất kinh tế)

- Yếu tố chi phí, nguyên vật liệu: Bao gồm nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, công cụ dụng cụ, phụ tùng thay thế được sử dụng trong kỳ sản xuất kinh doanh.
- Yếu tố chi phí nhân công: Tiền lương và các khoản trích theo lương của công nhân sản xuất, công nhân sử dụng máy thi công và nhân viên quản lý sản xuất ở đội, xưởng sản xuất doanh nghiệp.
- Yếu tố chi phí khấu hao TSCĐ: Bao gồm khấu hao máy thi công, nhà xưởng máy móc thiết bị quản lý....
- Yếu tố chi phí khác bằng tiền: Chi phí hội họp, tiếp khách
- Yếu tố chi phí dịch vụ mua ngoài: Như tiền điện, nước, tiền điện thoại...

Phân loại chi phí sản xuất theo nội dung kinh tế giúp nhà quản lý biết được kết cấu, tỉ trọng của từng yếu tố chi phí chi ra trong quá trình sản xuất lập dự toán, tổ chức thực hiện dự toán.

1.1.3.2 Phân loại chi phí xây lắp theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp phản ánh toán bộ chi phí về nguyên vật liệu chính, phụ, nhiên liệu... vào quá trình xây lắp.
- Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm lương và các khoản phụ cấp (phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp lưu động) của công nhân trực tiếp xây lắp.
- Chi phí sử dụng máy móc thi công là các khoản chi phí cho máy thi công nhằm thực hiện khối lượng công tác xây lắp bằng máy: chi phí khấu hao máy thi công, chi phí sửa chữa lớn, tiền lương của công nhân điều khiển máy và chi phí khác.
- Chi phí sản xuất chung là các chi phí phát sinh trong phạm vi tổ đội xây lắp như là: tiền lương của nhân viên quản lý đội, các khoản trích theo lương BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ của công nhân trực tiếp sản xuất, công nhân sử dụng máy thi công, nhân viên quản lý đội, chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao TSCĐ.

Cách phân loại này có tác dụng phục vụ yêu cầu quản lý chi phí sản xuất xây lắp theo dự toán, bởi vì trong hoạt động xây dựng cơ bản, lập dự toán công trình hạng mục công trình xây lắp là khâu không thể thiếu.

1.1.3.3 Phân loại theo mối quan hệ của chi phí với khối lượng hoạt động.

Theo cách phân loại này, chi phí được chia thành:

- Chi phí khả biến (biến phí): là các chi phí thay đổi tỷ lệ với mức hoạt động của đơn vị. Ví dụ: chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công.
- Chi phí bất biến (định phí): là các chi phí mà tổng số không thay đổi khi thay đổi về mặt khối lượng thực hiện. Ví dụ: chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí thuê mặt bằng, phương tiện kinh doanh... Song định phí tính cho một đơn vị sản phẩm thì lại biến đổi nếu số lượng sản phẩm thay đổi.
- Chi phí hỗn hợp: là chi phí mà bản thân nó bao gồm cả yếu tố biến phí lẫn định phí.

Cách phân loại chi phí này có tác dụng rất lớn đối với nhà quản trị kinh doanh trong việc phân tích điểm hòa vốn và phục vụ cho việc ra quyết định quản lý cần thiết để hạ giá thành sản phẩm và tăng hiệu quả kinh doanh.

1.1.3.4 Phân loại chi phí theo phương pháp tập hợp chi phí và mối quan hệ với đối tượng chịu chi phí.

Theo cách phân loại này, toàn bộ chi phí của doanh nghiệp được chia thành hai loại là chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp.

- Chi phí trực tiếp: là những khoản chi phí có quan hệ trực tiếp với việc sản xuất ra một loại sản phẩm, một công việc nhất định. Những chi phí này kế toán có thể

căn cứ vào số liệu chứng từ kế toán để ghi trực tiếp cho đối tượng chịu chi phí như: chi phí nguyên vật liệu, tiền lương công nhân sản xuất.

- Chi phí gián tiếp: là những chi phí sản xuất liên quan đến việc sản xuất ra nhiều loại sản phẩm, nhiều công việc. Do đó, với những chi phí này kế toán phải tiến hành phân bổ cho những đối tượng liên quan theo tiêu thức phân bổ thích hợp.

Cách phân loại này có ý nghĩa quan trọng đối với việc xác định phương pháp tập hợp và phân bổ chi phí cho các đối tượng liên quan một cách chính xác và hợp lý.

1.2 Những vấn đề chung về giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

1.2.1 Khái niệm và bản chất của giá thành sản phẩm

Trong sản xuất kinh doanh mỗi doanh nghiệp phải hạch toán để tính được giá bán đồng thời xác định được lợi nhuận mà doanh nghiệp thu được từ trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đồng thời bù đắp các chi phí đã bỏ ra để sản xuất sản phẩm. Để xác định được các yếu tố trên doanh nghiệp phải tính được giá thành của sản phẩm hay nói cách khác là tính được chi phí phát sinh trong kỳ được tính cho các sản phẩm đã sản xuất.

Như vậy giá thành ta có thể hiểu là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa có liên quan đến khối lượng công tác, sản phẩm xây lắp đã hoàn thành.

Trong giá thành sản phẩm chỉ bao gồm những chi phí tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào quá trình sản xuất, tiêu thụ phải được bồi hoàn để tái sản xuất ở doanh nghiệp mà không bao gồm các chi phí phát sinh trong kỳ kinh doanh của doanh nghiệp. Những chi phí đưa vào giá thành sản phẩm phải phản ánh được giá trị hiện thực của các tư liệu sản xuất tiêu dùng cho sản xuất, tiêu thụ và các khoản chi tiêu khác có liên quan tới việc bù đắp gián đơn hao phí lao động sống.

1.2.2 Phân loại giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

➤ Phân loại theo thời điểm tính và nguồn số liệu để tính

Căn cứ vào số liệu để tính giá thành thì có 3 loại giá thành xây lắp:

Giá thành dự toán (Zdt): Là tổng chi phí dự toán để hoàn thành một khối lượng sản phẩm xây lắp. Giá thành dự toán được lập trước khi tiến hành xây lắp trên cơ sở các định mức thiết kế được duyệt khung giá XDCB hiện hành.

Công thức tính:

$$\mathbf{Zdt} = \mathbf{Chi\ phí\ trực\ tiếp} + \mathbf{Chi\ phí\ chung}$$

Giá thành kế hoạch (Zkh): Được xây dựng từ những điều kiện cụ thể của Doanh nghiệp trên cơ sở phân đầu hạ giá thành so với giá thành dự toán bằng các biện pháp tăng cường quản lý kỹ thuật, vật tư thi công, các định mức và đơn giá áp dụng trong các Doanh nghiệp xây lắp.

Công thức tính:

$$\mathbf{Zkh} = \mathbf{Zdt} - \mathbf{Mức\ hạ\ giá\ thành\ dự\ toán}$$

Giá thành thực tế (Ztt): Là toàn bộ chi phí thực tế bỏ ra để hoàn thành bàn giao khối lượng xây lắp mà Doanh nghiệp đã nhận thầu. Nó bao gồm: chi phí theo định mức, chi phí vượt định mức, không định mức.

Ba loại giá thành trên có mối quan hệ mật thiết với nhau và được thể hiện khái quát như sau:

$$\text{Giá thành dự toán} \geq \text{Giá thành kế hoạch} \geq \text{Giá thành thực tế}$$

➤ ***Phân loại theo phạm vi phát sinh chi phí***

Theo phạm vi phát sinh chi phí, chỉ tiêu giá thành sản phẩm xây lắp được chia làm 2 loại: giá thành sản xuất và giá thành toàn bộ.

Giá thành sản xuất (giá thành công xưởng): bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung tính cho công trình, hạng mục công trình hoặc lao vụ đã hoàn thành. Giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp là căn cứ để tính giá vốn hàng bán và lợi nhuận gộp ở các doanh nghiệp xây lắp.

Giá thành toàn bộ (giá thành tiêu thụ) bao gồm giá thành sản xuất sản phẩm xây lắp cộng thêm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tính cho sản phẩm đó. Giá thành toàn bộ của sản phẩm xây lắp là căn cứ để tính toán, xác định lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp.

❖ *Ngoài ra trong xây dựng cơ bản còn sử dụng chỉ tiêu giá thành sau:*

- Giá đấu thầu xây lắp (giá thành dự thầu công tác xây lắp): là một loại giá thành dự toán xây lắp do chủ đầu tư đưa ra để các doanh nghiệp căn cứ vào đó mà xây dựng giá thành của mình.
- Giá hợp đồng công tác xây lắp: là loại giá thành dự toán xây lắp trong hợp đồng được ký kết giữa chủ đầu tư và đơn vị xây lắp sau khi thỏa thuận

giao thầu, là giá thành của doanh nghiệp xây lắp thắng cuộc trong đấu thầu được chủ đầu tư thỏa thuận ký hợp đồng giao thầu.

1.3 Yêu cầu và nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

Việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp vốn là phần hành căn bản của công tác hạch toán kế toán, lại càng có ý nghĩa quan trọng đối với xí nghiệp xây lắp nói riêng và xã hội nói chung.

Với các Công ty, thực hiện tốt công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là cơ sở để giám sát các hoạt động, tự khắc phục những tồn tại, phát huy những tiềm năng, mới đảm bảo cho Công ty tồn tại và phát triển trong cơ chế hạch toán kinh doanh của nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay.

Với nhà nước, công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở Công ty xây lắp là cơ sở để nhà nước kiểm soát vốn đầu tư xây dựng cơ bản (XDCB) và thu thuế.

Như vậy ta thấy công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là khâu không thể thiếu được trong công tác hạch toán tại Công ty. Mặt khác, nhiệm vụ chủ yếu của công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp là xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp, sao cho phù hợp với điều kiện hiện tại của Công ty, phương pháp kế toán theo trình tự logic chính để làm sao:

- Phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời toàn bộ chi phí xây lắp thực tế phát sinh. Kiểm tra tình hình thực hiện các định mức vật tư, lao động, chi phí sử dụng máy thi công và các dự toán chi phí khác, phát hiện kịp thời các khoản chênh lệch so với định mức, các chi phí ngoài dự toán trong thi công.
- Tính toán chính xác, kịp thời giá thành sản phẩm xây lắp.
- Kiểm tra việc thực hiện hạ giá thành của doanh nghiệp theo từng công trình, vạch ra khả năng và các biện pháp hạ giá thành một cách hợp lý và có hiệu quả.
- Xác định đúng đắn, bàn giao thanh toán kịp thời khối lượng công tác xây dựng đã hoàn thành, định kỳ kiểm kê, và đánh giá khối lượng thi công dở dang theo một nguyên tắc nhất định.
- Xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp.

- Vận dụng các tài khoản kế toán để hạch toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm phù hợp với phương pháp kế toán hàng tồn kho (kê khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ) mà doanh nghiệp lựa chọn.

- Đánh giá đúng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh ở từng công trình, hạng mục công trình, từng bộ phận thi công, đội xây dựng...trong từng thời kỳ, phục vụ cho yêu cầu quản lý lãnh đạo của Công ty.

1.4 Kế toán chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp xây lắp

1.4.1 Đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất

1.4.1.1 Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất

Việc xác định đối tượng hạch toán CPSX thực chất là xây dựng phạm vi hay giới hạn của chi phí nhằm phục vụ cho việc kiểm tra, phân tích chi phí và tính giá thành sản phẩm.

Để xác định được đối tượng tập hợp chi phí sản xuất ở từng doanh nghiệp cần căn cứ vào các yếu tố như:

- Tính chất sản xuất, đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm (sản xuất giản đơn hay phức tạp)
- Loại hình sản xuất: sản xuất đơn chiếc hay hàng loạt.
- Đặc điểm sản phẩm
- Yêu cầu và trình độ quản lý doanh nghiệp
- Đơn vị tính giá thành và áp dụng trong doanh nghiệp xây lắp

Như vậy đối tượng tập hợp chi phí khác nhau, có thể là: Công trình, hạng mục công trình, đơn đặt hàng.

1.4.1.2 Đối tượng tính giá thành sản phẩm

Là các sản phẩm, công việc, lao vụ mà doanh nghiệp đã sản xuất hoàn thành đòi hỏi phải tính giá thành và giá thành đơn vị.

Trong doanh nghiệp xây lắp do tổ chức sản xuất đơn chiếc nên đối tượng tính giá thành là từng công trình, hạng mục công trình xây lắp, các giai đoạn quy ước của hạng mục công trình có giá trị dự toán riêng hoàn thành.

Để xác định đối tượng tính giá thành phải căn cứ vào:

- Căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất, loại hình sản xuất, tính chất của từng loại sản phẩm cụ thể của doanh nghiệp.
- Căn cứ vào quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm.
- Căn cứ vào yêu cầu và trình độ của cán bộ kế toán.

Mối quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành sản phẩm có những điểm giống và khác nhau. Chúng đều là phạm vi giới hạn để tập hợp chi phí và cùng phục vụ công tác quản lý, phân tích kiểm tra chi phí giá thành. Tuy nhiên, xác định đối tượng tập hợp chi phí là xác định phạm vi phát sinh chi phí, còn xác định đối tượng tính giá thành là xác định chi phí có liên quan đến kết quả quá trình sản xuất. Có thể nói đối tượng tập hợp chi phí là tiền đề, là cơ sở, căn cứ để tính giá thành.

1.4.1.3 Phương pháp tập hợp CPSX.

Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh là phương pháp thể hiện cách thức tập hợp, phân loại chi phí sản xuất kinh doanh trong một kỳ sản xuất kinh doanh theo các đối tượng đã được xác định trước.

Tùy từng Doanh nghiệp xây lắp mà có thể áp dụng một trong các phương pháp tập hợp chi phí sau:

Phương pháp trực tiếp: Đối với những chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến công trình, hạng mục công trình nào thì tập hợp cho công trình, hạng mục công trình đó, phương pháp này có độ chính xác cao tuy nhiên không phải lúc nào cũng sử dụng được vì có những chi phí liên quan đến nhiều đối tượng không theo dõi riêng được.

Phương pháp tập hợp chi phí gián tiếp: Phương pháp này áp dụng trong trường hợp chi phí sản xuất phát sinh có liên quan đến nhiều đối tượng kế toán chi phí, không tổ chức ghi chép ban đầu riêng cho từng đối tượng. Trong trường hợp đó, phải tập hợp chung cho nhiều đối tượng. Sau đó, lựa chọn tiêu chuẩn phân bổ thích hợp để phân bổ khoản chi phí này cho từng đối tượng kế toán chi phí. Việc phân bổ được tiến hành theo trình tự:

- Xác định hệ số phân bổ (H) $H = \frac{C}{T}$
- Xác định mức chi phí phân bổ cho từng đối tượng:

$$C_i = T_i \times H$$

Trong đó: H: là hệ số phân bổ

C: là tổng chi phí cần phân bổ

T: là tổng tiêu chuẩn dùng để phân bổ

C_i : là chi phí phân bổ cho từng đối tượng i

T_i : là tiêu chuẩn phân bổ cho từng đối tượng i

Việc lựa chọn tiêu chuẩn dùng để phân bổ gián tiếp sao cho phải phù hợp, chính xác tùy từng đối tượng. Độ tin cậy của thông tin về chi phí phụ thuộc vào tính hợp lý của tiêu chuẩn phân bổ được lựa chọn.

1.4.2 Kế toán chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp xây lắp

1.4.2.1 Tài khoản sử dụng

Theo quy định của chế độ kế toán hiện hành của quyết định 48, đối với các doanh nghiệp xây lắp thực hiện hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, kế toán tập hợp chi phí sản xuất sử dụng các tài khoản sau:

TK 154 : Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Nợ	TK 154	Có
<u>SDĐK</u>		
- Phản ánh CPNVL, CP NCTTXL, CP SDMTC, CPSXC phát sinh trong kỳ liên quan đến giá thành sản phẩm xây lắp.		- Giá thành sản xuất sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao tiêu thụ trong kỳ; hoặc giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành chờ tiêu thụ. - Phản ánh các khoản làm giảm chi phí như NVL dùng không hết nhập lại kho, trị giá phế liệu thu hồi, chi phí vượt định mức.
Tổng SPS Nợ		Tổng SPS Có
<u>SDCK</u>		

Ngoài ra còn sử dụng một số tài khoản liên quan như: 155, 632, 334, 111, 112...

1.4.2.2 Chứng từ dùng để hạch toán bao gồm:

- Bảng chấm công, Bảng thanh toán tiền lương, Phiếu nghỉ hưởng BHXH, Bảng thanh toán BHXH, Bảng thanh toán tiền thưởng, Hợp đồng lao động, Biên bản thanh lý hợp đồng...
- Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho, phiếu lĩnh vật tư, Hoá đơn GTGT.....
- Phiếu thu, Phiếu chi, Giấy đề nghị tạm ứng, Giấy xin thanh toán, Giấy thanh toán tiền tạm ứng, Ủy nhiệm chi, Giấy lĩnh tiền mặt.

Ngoài ra còn có các chứng từ như khác như: hợp đồng giao khoán, biên bản bàn giao máy thi công, hợp đồng thuê máy...

1.4.2.3 Kế toán chi phí NVL trực tiếp

Chi phí NVL trực tiếp trong các Doanh nghiệp xây lắp bao gồm trị giá

NVL sử dụng phục vụ trực tiếp cho thi công tính theo giá thực tế khi xuất dùng (không bao gồm trị giá NVL của bên chủ đầu tư bàn giao).

❖ Định khoản một số nghiệp vụ chủ yếu :

- ◆ NV1: Mua NVL đưa thẳng vào sản xuất :
Nợ TK 154 : Chi phí NVLTT
Nợ TK 133 : Thuế GTGT được khấu trừ
Có TK 111,112,331 : Tổng giá thanh toán
- ◆ NV2: Xuất kho NVL phục vụ công trình:
Nợ TK 154 : Trị giá NVL xuất kho
Có TK 152 : Trị giá NVL xuất kho
- ◆ NV3: NVL dùng không hết nhập lại kho :
Nợ TK 152 : Trị giá NVL nhập lại kho
Có TK 154 : Trị giá NVL nhập lại kho

1.4.2.4 Kế toán chi phí nhân công trực tiếp (NCTT)

Chi phí NCTT là tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp xây lắp
Chi phí nhân công trực tiếp thường được tính trực tiếp cho từng công trình hạng mục công trình.

❖ Định khoản một số nghiệp vụ chủ yếu:

- ◆ NV1: Tính lương cho công nhân TTXL có trong danh sách của công ty:
Nợ TK 154 : Lương phải trả cho công nhân TTXL
Có TK 334: Lương phải trả cho công nhân TTXL
- ◆ NV2: Tính lương cho công nhân TTXL thuê ngoài:
Nợ TK 154 : Tiền lương cho công nhân TTXL thuê ngoài
Có TK 111,112 : Tiền lương cho công nhân TTXL thuê ngoài

1.4.2.5 Kế toán chi phí sử dụng máy thi công

Chi phí sử dụng máy thi công là toàn bộ chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình sử dụng máy thi công để thực hiện khối lượng công việc xây lắp.

Tuỳ theo hình thức tổ chức đội máy thi công mà chi phí sử dụng máy thi công được hạch toán khác nhau. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công được hạch toán riêng thành khoản mục và được phản ánh trên TK 154.

Chi phí sử dụng máy thi công gồm các khoản sau:

- Chi phí nhân công : lương chính ,lương phụ,phụ cấp phải trả cho công nhân trực tiếp điều khiển máy thi công
- Chi phí vật liệu : vật liệu ,nhiên liệu dùng cho máy thi công

- Chi phí dụng cụ sản xuất phục vụ máy thi công
- Chi phí mua ngoài phục vụ máy thi công.
- Chi phí khấu hao máy thi công

❖ **Định khoản một số nghiệp vụ chủ yếu:**

- ◆ NV1: Tiền công trả cho công nhân lái máy(điều khiển máy thi công không bao gồm các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ)

Nợ TK 154 : Tiền lương công nhân SDMTC

Có TK 334 : Tiền lương công nhân SDMTC

- ◆ NV2: Khi mua NVL ,CCDC phục vụ sử dụng cho máy thi công:

Nợ TK 154 : Chi phí Vật liệu, CCDC phục vụ sử dụng máy thi công

Nợ TK 133 : Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 152,153: Trị giá NVL, CCDC xuất dùng

- ◆ NV3: Chi phí khấu hao Máy thi công

Nợ TK 154 : Chi phí khấu hao máy thi công

Có TK 214 : Chi phí khấu hao máy thi công

- ◆ NV4: Chi phí dịch vụ mua ngoài như: Sửa chữa máy thi công thuê ngoài, điện, nước, chi phí phải trả cho nhà thầu phụ tiền thuê TSCĐ....

Nợ TK 154 : Chi phí dịch vụ mua ngoài chưa có thuế GTGT

Nợ TK 133 : Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111,112,331: Tổng giá thanh toán

- ◆ NV5: Chi phí bằng tiền khác:

Nợ TK 154 : Chi phí bằng tiền khác chưa có thuế GTGT

Nợ TK 133 : Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111,112: Tổng giá thanh toán

Sau khi tập hợp chi phí SDMTC kế toán tiến hành phân bổ chi phí này cho từng công trình, hạng mục công trình.

- Trường hợp doanh nghiệp thuê ngoài máy thi công theo hình thức trọn gói:

Nợ TK 154 : Chi phí sử dụng máy thi công

Nợ TK 133 : Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111,112,331: Tổng giá thanh toán

1.4.2.6 Kế toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung là những khoản chi phí phát sinh ở các đội sản xuất, bao gồm lương nhân viên quản lý đội, các khoản tính theo lương (KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN) của nhân viên TTXL, điều khiển máy thi công, nhân

viên quản lý đội theo tỷ lệ quy định, chi phí khấu hao, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác.

Tài khoản phản ánh cho chi phí sản xuất chung là TK 154: phản ánh toàn bộ các khoản chi phí sản xuất chung và mở chi tiết cho từng đội công trình.

❖ Định khoản một số nghiệp vụ chủ yếu:

- ◆ NV1: Tính tiền lương phải trả cho nhân viên quản lý tổ đội thi công:

Nợ TK 154 : Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Có TK 334 : Tiền lương phải trả nhân viên quản lý đội

- ◆ NV2: Khi tính trích các khoản theo lương:

Nợ TK 154 : Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Nợ TK 334 : Khấu trừ vào lương người lao động

Có TK 338 : Các khoản trích theo lương

- ◆ NV3: Khi xuất công cụ dụng cụ, sử dụng phục vụ trực tiếp cho thi công:

➤ Loại phân bổ 1 lần:

Nợ TK 154 : Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Có TK 153 : Trị giá CCDC xuất dùng

➤ Loại phân bổ nhiều lần:

1) Bút toán 1:

Nợ TK 142 : Trị giá CCDC xuất dùng

Có TK 153 : Trị giá CCDC xuất dùng

2) Bút toán 2:

⇒ Hàng tháng phân bổ ghi

Nợ TK 154 : Mức phân bổ hàng tháng

Có TK 142: Mức phân bổ hàng tháng

- ◆ NV4: Khi trích khấu hao TSCĐ sử dụng phục vụ trực tiếp cho thi công ghi:

Nợ TK 154 : Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Có TK 214 : Khấu hao TSCĐ

- ◆ Khi có các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền phục vụ trực tiếp cho thi công:

Nợ TK 154 : Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111,112,331: Tổng giá thanh toán

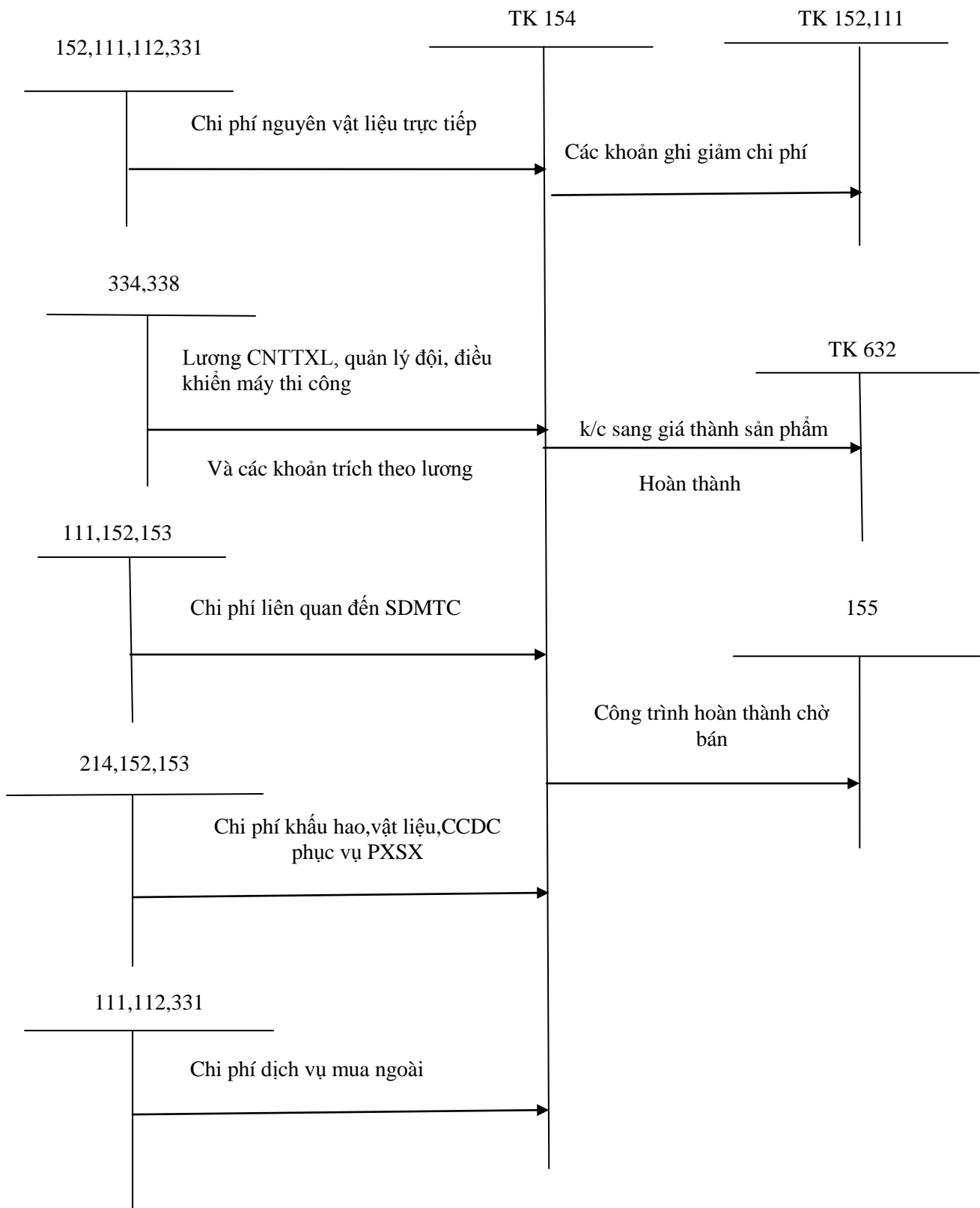
1.5 Tổng hợp chi phí sản xuất và đánh giá sản phẩm dở dang

1.5.1 Tổng hợp chi phí sản xuất theo phương pháp kê khai thường xuyên

Chi phí sản xuất sau khi tập hợp riêng từ khoản mục cuối kỳ phải tổng hợp toàn bộ chi phí sản xuất xây lắp nhằm phục vụ cho việc tính giá thành:

Cuối kỳ kết chuyển chi phí sang TK 632 giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành :

Sơ đồ 1.1 Sơ đồ hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất theo phương pháp kê khai thường xuyên



1.5.2 Tổng hợp chi phí sản xuất theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Để tổng hợp chi phí sản xuất trong trường hợp doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, kế toán sử dụng TK 631 – Giá thành sản xuất.

Nội dung tài khoản:

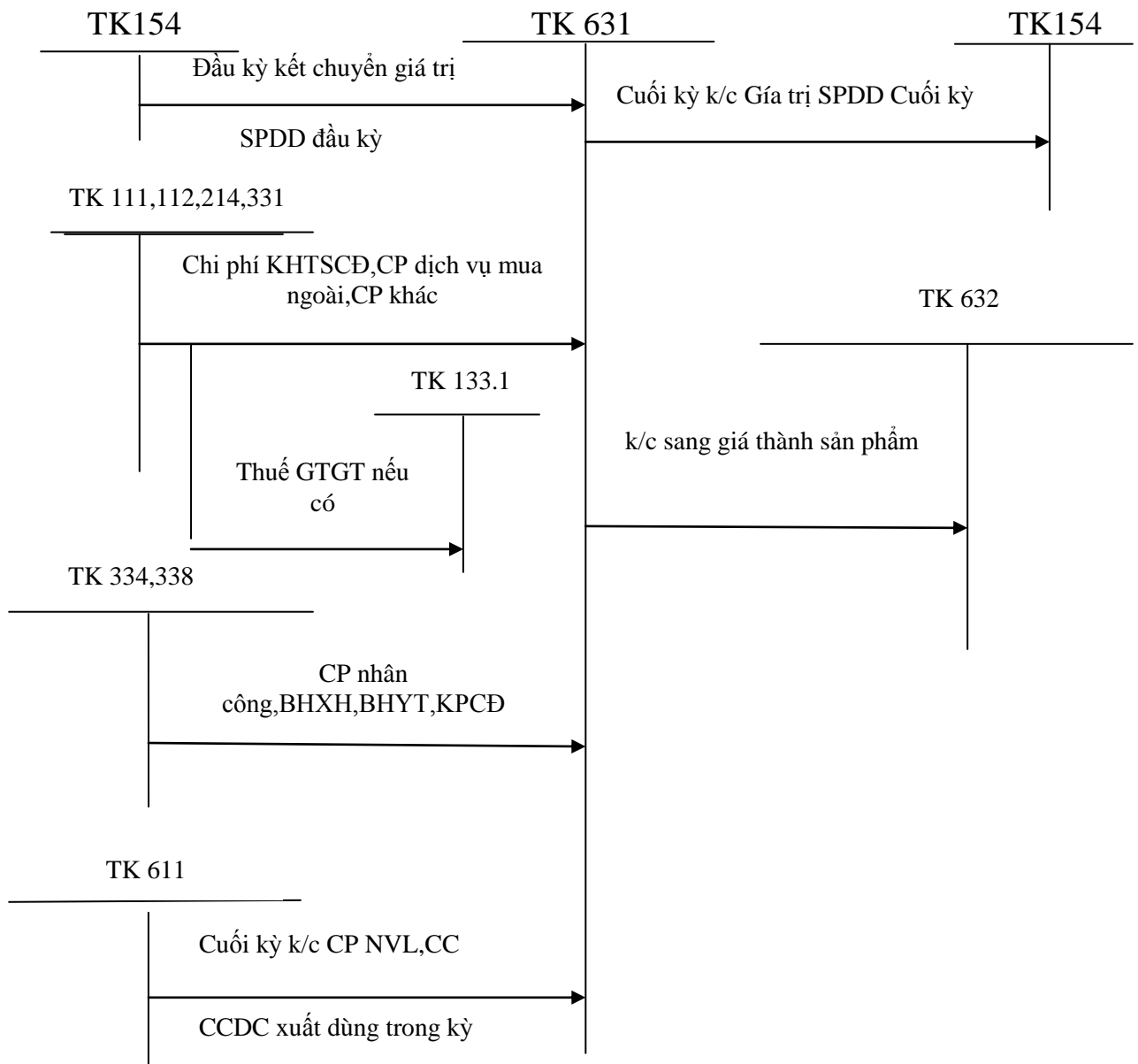
Bên Nợ: Phản ánh giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ và các chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến chế tạo, sản xuất sản phẩm

Bên Có: Kết chuyển giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ

Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành

TK 631 cuối kỳ không có số dư và được chi tiết theo địa điểm phát sinh chi phí, theo loại sản phẩm và bộ phận sản xuất.

Sơ đồ 1.2: Kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.



1.5.3 Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang

Sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp là các công trình, hạng mục công trình chưa hoàn thành hoặc chưa nghiệm thu, bàn giao chưa chấp nhận thanh toán.

- Chi phí sản phẩm dở dang là chi phí sản xuất để tạo nên khối lượng sản phẩm dở dang.

- Cuối kỳ kế toán để tính giá thành sản phẩm hoàn thành cần thiết phải xác định chi phí sản phẩm dở dang cuối kỳ.

$$\text{Giá thành sản phẩm xây lắp} = \text{Chi phí SPDDĐK} + \text{Chi phí SXKDPSTK} - \text{Chi phí SPDDCK}$$

a. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí dự toán

Sản phẩm dở dang trong sản xuất xây lắp được xác định bằng phương pháp kiểm kê hàng tháng. Việc tính giá sản phẩm dở dang trong sản xuất xây lắp phụ thuộc vào phương thức thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành giữa bên nhận thầu và chủ đầu tư:

- Nếu quy định thanh toán sản phẩm xây lắp sau khi hoàn thành toàn bộ thì giá trị sản phẩm dở dang là tổng chi phí phát sinh từ lúc khởi công tới lúc cuối tháng đó.
- Nếu quy định sản phẩm xây lắp theo điểm dừng kỹ thuật hợp lý (xác định được giá dự toán) thì sản phẩm dở dang là các khối lượng xây lắp chưa đạt tới điểm dừng kỹ thuật hợp lý đã quy định và được tính theo chi phí thực tế trên cơ sở phân bổ chi phí của hạng mục công trình đó cho các giai đoạn, tổ hợp công việc đã hoàn thành và giai đoạn còn dở dang theo giá trị dự toán của chúng. Cách tính như sau:

Chi phí thực tế của KLXL DDCK	=	$\frac{\text{Chi phí thực tế của KLXL DDĐK}}{\text{Chi phí của KLXL hoàn thành bàn giao trong kỳ theo dự toán}}$	+	$\frac{\text{Chi phí thực tế của KLXL dở dang P/S trong kì}}{\text{Chi phí của KLXL dở dang cuối kì theo dự toán}}$	X	Chi phí của KLXL dở dang cuối kì theo dự toán
-------------------------------	---	--	---	---	---	---

Chi phí thực tế khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ sẽ được phản ánh vào bảng tổng hợp CPSX và tính giá thành trong quý. Từ đó tính ra giá thành thực tế khối lượng hoàn thành trong quý.

b. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo tỷ lệ sản phẩm hoàn thành tương đương

Phương pháp này chủ yếu áp dụng đối với việc đánh giá sản phẩm làm dở dang công tác lắp đặt. Theo phương pháp này chi phí thực tế khối lượng lắp đặt dở dang cuối kỳ được xác định như sau:

Chi phí thực tế của khối lượng XLDDCK	=	$\frac{\text{Chi phí thực tế của khối lượng XLDDĐK}}{\text{Chi phí của KLXL bàn giao trong kỳ theo dự toán}}$	+	$\frac{\text{Chi phí thực tế của KLXL thực hiện trong kỳ}}{\text{Chi phí của KLXL dở dang theo dự toán đối theo SLHTTĐ}}$	x	Chi phí dự toán KLXL DDCK đã tính theo SLHTTĐ
---------------------------------------	---	---	---	---	---	---

c. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo giá trị dự toán

Theo phương pháp này chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ được tính theo công thức.

Chi phí thực tế của KLXL DDCK	=	$\frac{\text{Chi phí thực tế của KLXL DDĐK}}{\text{Giá trị dự toán của KLXL hoàn thành bàn giao trong kỳ}}$	+	$\frac{\text{Chi phí thực tế của KLXL thực hiện trong kỳ}}{\text{Giá trị dự toán của KLXL DDCK}}$	x	Giá trị dự toán của KLXL DDCK
-------------------------------	---	---	---	---	---	-------------------------------

1.6 Phương pháp tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp

1.6.1 Đối tượng tính giá thành sản phẩm

Công việc đầu tiên trong công tác tính giá thành sản phẩm là xác định đối tượng tính giá thành. Trong ngành XDDB do đặc điểm sản xuất mang tính đơn chiếc, mỗi sản phẩm đều phải có dự toán và thiết kế riêng nên đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp thường là các công trình, hạng mục công trình hay khối lượng công việc có thiết kế và dự toán riêng đã hoàn thành.

1.6.2 Kỳ tính giá thành sản phẩm xây lắp

Kỳ tính giá thành là thời kỳ bộ phận kế toán tiến hành công việc tính giá thành cho các đối tượng tính giá thành. Xác định kỳ tính giá thành thích hợp sẽ giúp cho việc tổ chức công tác tính giá thành sản phẩm.

Để xác định kỳ tính giá thành kế toán căn cứ vào đặc điểm riêng của ngành sản xuất và chu kỳ sản xuất sản phẩm. Căn cứ vào đặc điểm riêng của ngành xây lắp kỳ tính giá thành được xác định như sau:

- Đối với các sản phẩm theo đơn đặt hàng có thời gian thi công tương đối dài, công việc được coi là hoàn thành khi kết thúc mọi công việc trong đơn đặt hàng, hoàn thành toàn bộ đơn đặt hàng mới tính giá thành.
- Đối với công trình, hạng mục công trình lớn, thời gian thi công dài thì chỉ khi nào có một bộ phận hoàn thành có giá trị sử dụng được nghiệm thu thanh toán thì mới tính giá thành thực tế bộ phận đó.

Ngoài ra, với công trình lớn, thời gian thi công dài kết cấu phức tạp thì kỳ tính giá thành có thể xác định là quý.

1.6.3 Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp

Phương pháp tính giá thành sản phẩm là phương pháp sử dụng số liệu chi phí sản xuất đã tập hợp được để tính ra giá thành sản phẩm. Trong các Doanh nghiệp xây lắp thường sử dụng các phương pháp sau:

➤ **Phương pháp tính giá thành giản đơn (phương pháp trực tiếp)**

Phương pháp này áp dụng trong các doanh nghiệp xây lắp có số lượng công trình lớn, đối tượng tập hợp chi phí phù hợp với đối tượng tính giá thành công trình, hạng mục công trình.

Theo phương pháp này tập hợp tất cả các chi phí sản xuất trực tiếp cho một công trình, hạng mục công trình từ khi khởi công đến khi hoàn thành chính là tổng giá thành của một công trình, hạng mục công trình.

Hay có thể nói phương pháp này áp dụng trong trường hợp đối tượng tính giá thành phù hợp với đối tượng tập hợp CPSX, kỳ tính giá thành phù hợp với kỳ báo cáo.

Công thức tính như sau:

$$Z = D_{dk} + C - D_{ck}$$

Z	:	Tổng giá thành sản phẩm xây lắp
C	:	Tổng CPSX đã tập hợp theo đối lượng
D_{dk}, D_{ck}	:	Giá trị sản phẩm dở dang đến kỳ, cuối kỳ

➤ **Phương pháp tính theo đơn đặt hàng**

Trong các doanh nghiệp thuộc loại hình sản xuất kinh doanh đơn chiếc, công việc sản xuất kinh doanh thường căn cứ vào các đơn đặt hàng của khách hàng. Đối với doanh nghiệp xây dựng, phương pháp này áp dụng trong từng trường hợp các doanh nghiệp nhận thầu xây lắp theo đơn đặt hàng và như vậy đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành là từng đơn đặt hàng. Theo phương pháp này, chi phí sản xuất được tập hợp theo từng đơn đặt hàng và khi nào công trình hoàn thành thì chi phí sản xuất tập hợp được chính là giá thành thực tế của đơn đặt hàng. Những đơn đặt hàng chưa sản xuất xong thì toàn bộ chi phí sản xuất đã tập hợp được theo đơn đặt hàng đó là chi phí sản xuất của khối lượng xây lắp dở dang.

➤ **Phương pháp tổng cộng chi phí**

Áp dụng trong trường hợp Doanh nghiệp xây lắp mà quá trình xây dựng được tập hợp ở nhiều đội xây dựng nhiều giai đoạn công việc.

Giá thành sản phẩm xây lắp được xác định bằng cách cộng tất cả chi phí sản xuất ở từng đội sản xuất, từng giai đoạn công việc, từng hạng mục công trình.

Công thức tính như sau:

$$Z = D_{dk} + C_1 + C_2 + \dots + C_n - D_{ck}$$

Trong đó: $C_1, C_2 \dots C_n$ là CPSX ở từng đội hay từng hạng mục công trình.

Z là giá thành sản phẩm xây lắp

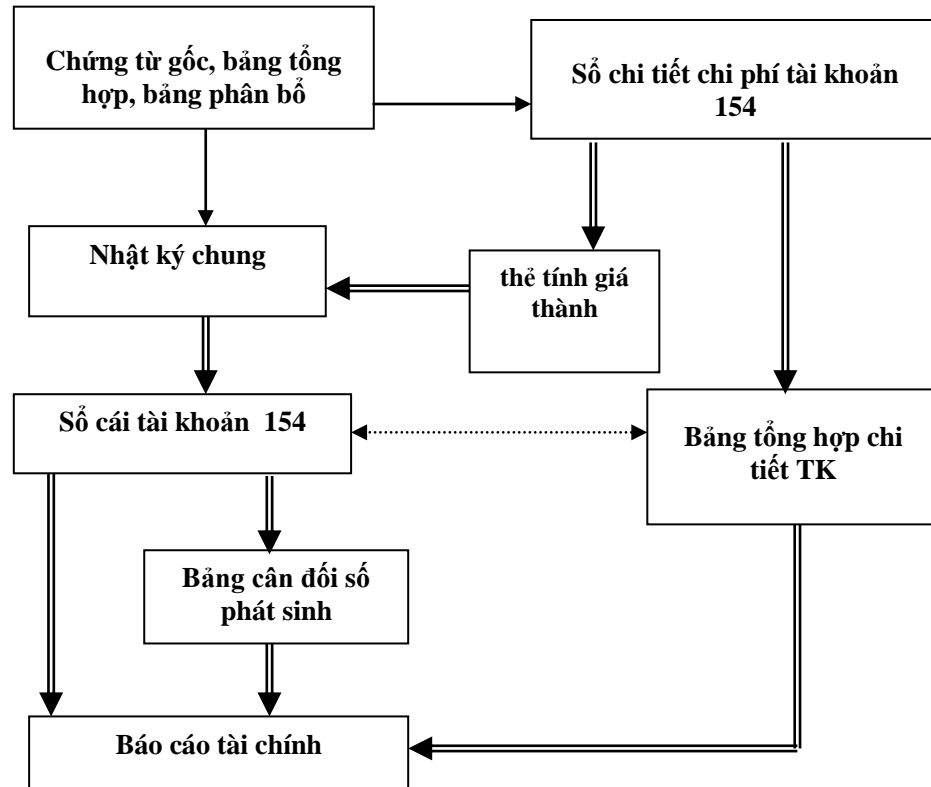
Phương pháp này tương đối dễ dàng, chính xác. Với phương pháp này yêu cầu kế toán phải tập hợp đầy đủ chi phí cho từng công trình hạng mục công trình. Bên cạnh các chi phí trực tiếp được phân bổ ngay, các chi phí gián tiếp (chi phí chung) phải được phân bổ theo theo tiêu thức nhất định.

Ngoài ra còn có một số phương pháp khác như: Phương pháp tính giá thành theo định mức, phương pháp tính giá thành phân bước. Việc áp dụng phương pháp nào là tùy vào đặc điểm của từng Doanh nghiệp.

1.7 Hình thức ghi sổ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

1.7.1 Hình thức nhật ký chung

Sơ đồ 1. 3: Kế toán chi phí sản xuất kinh doanh và tính giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật Ký Chung

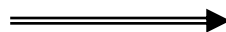


Ghi chú:

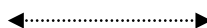
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ



Quan hệ đối chiếu:

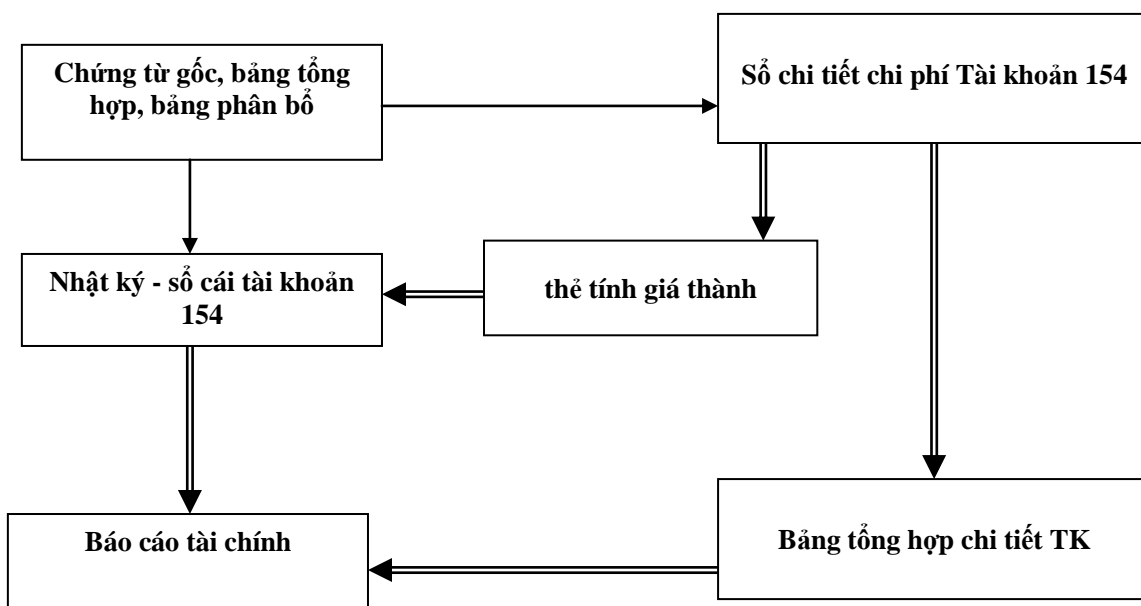


1.7.2 Hình thức Nhật ký-Sổ cái

Đối với doanh nghiệp áp dụng hình thức Nhật ký - Sổ cái, hệ thống sổ sách vận dụng trong kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được minh họa qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.4

Kế toán chi phí sản xuất kinh doanh và tính giá thành sản phẩm theo hình thức: Nhật ký - sổ cái



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

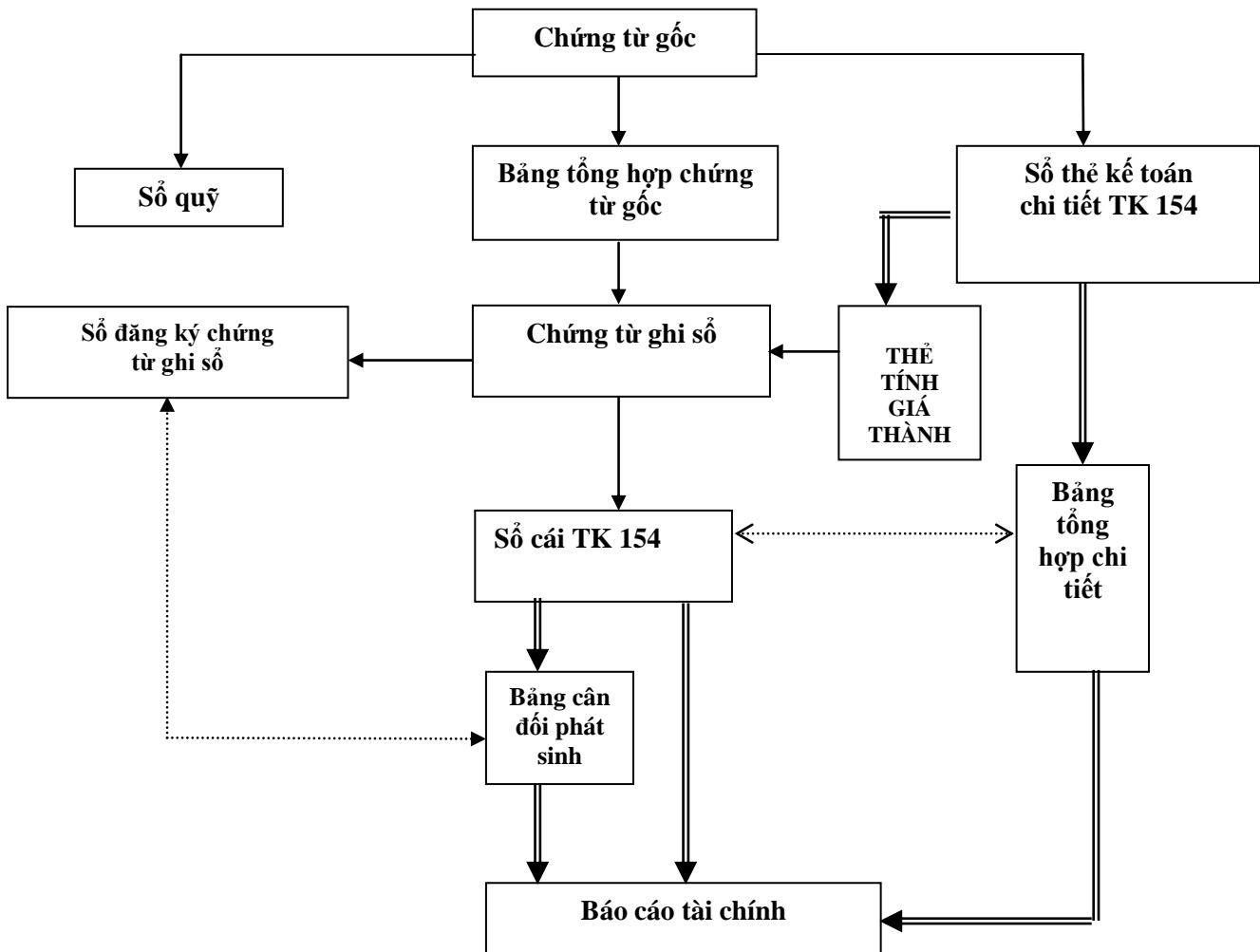
Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow

1.7.3 Hình thức Chứng từ ghi sổ

Hệ thống sổ sách vận dụng trong kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong hình thức ghi sổ này được mô hình hoá qua sơ đồ dưới đây:

Sơ đồ 1.5

Kế toán chi phí sản xuất kinh doanh và tính giá thành sản phẩm
Theo hình thức: Chứng từ ghi sổ.



Ghi chú:

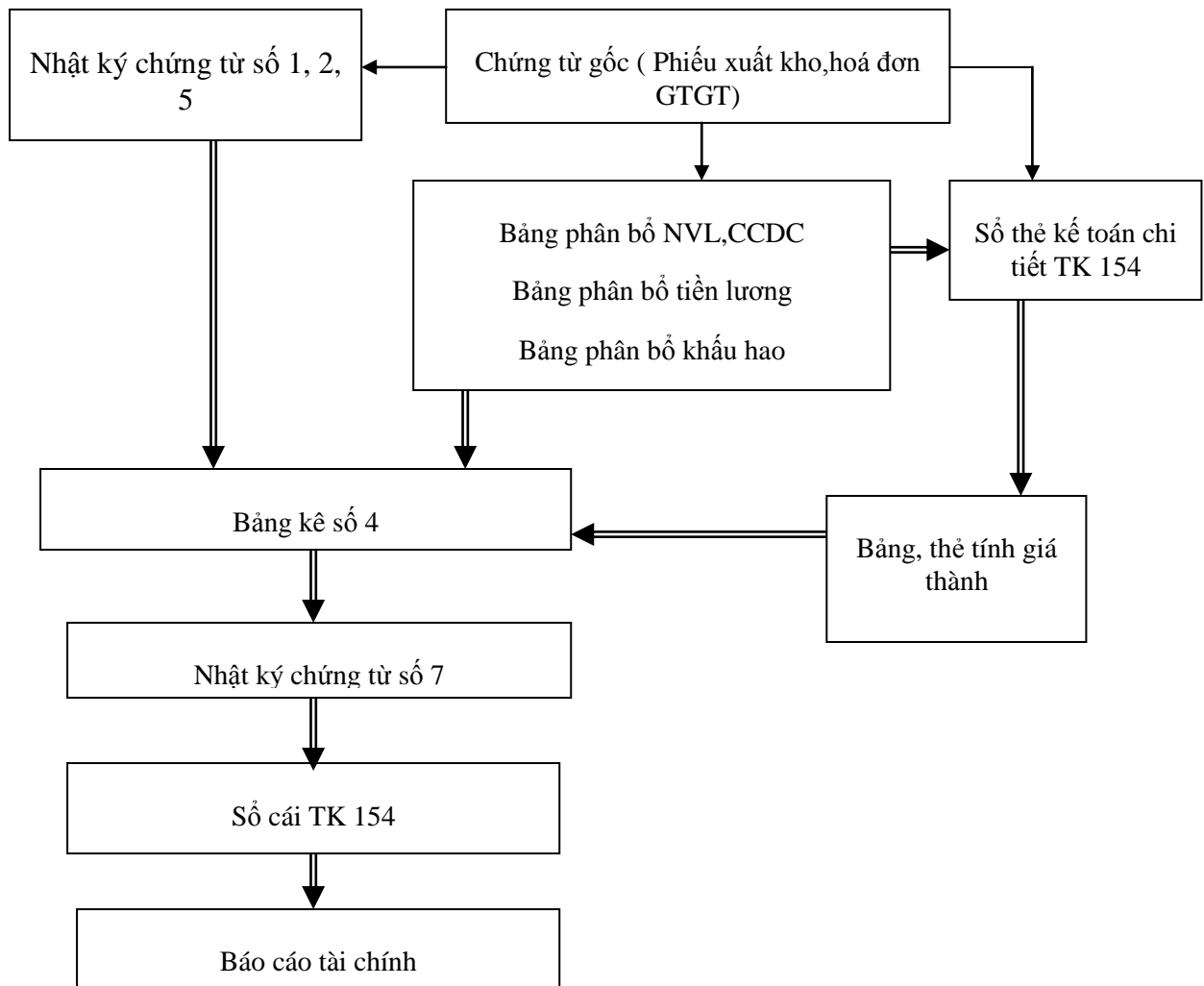
- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

1.7.4 Hình thức Nhật ký chứng từ

Các sổ sách vận dụng trong hình thức này có thể thấy qua sơ đồ dưới đây:

Sơ đồ 1.6

Kế toán chi phí sản xuất kinh doanh và tính giá thành sản phẩm theo hình thức: Nhật ký - chứng từ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow

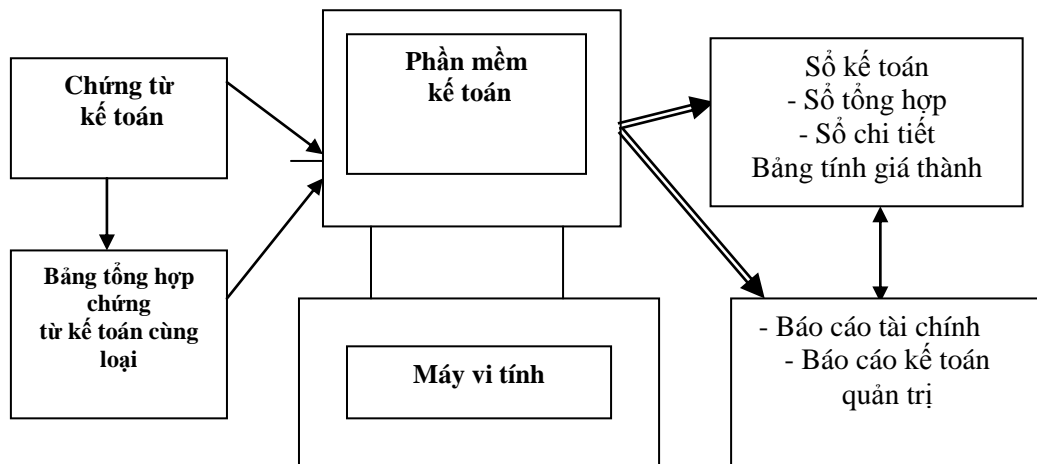
1.7.5 Hình thức Kế Toán Máy

Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.7

Kế toán chi phí sản xuất kinh doanh và tính giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG & THƯƠNG MẠI SÓC SƠN

2.1 Khái quát chung về Công ty Cổ Phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Sóc Sơn

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển.

Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Sóc Sơn

Địa chỉ(Trụ sở chính): Tổ 4 –Thị trấn Sóc Sơn –H. Sóc Sơn – Hà Nội.

Số điện thoại: (04)3.8843472

-Email:xdsocson@gmail.com

- Quyết định thành lập số 383/QĐ-UBND ngày 16/01/2004 của UBND Thành phố Hà nội.

- Giấy phép kinh doanh số 01030003712 ngày 17/02/2004 của Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hà nội.

- Mã số thuế: 0101471333 ngày cấp 16/04/2004 của cục Thuế Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Nguyễn Lưu Tại

Chức vụ: Giám đốc

Vốn điều lệ của công ty: 20.000.000.000

Công ty được phép hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình kỹ thuật hạ tầng, các công trình cấp nước, thoát nước.

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở.

Ngày đầu thành lập, Công ty gặp nhiều khó khăn chồng chất, thiếu vốn, thiếu cán bộ quản lý. Trước tình hình đó, Ban lãnh đạo Công ty đã từng bước tháo gỡ khó khăn, luôn hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao, tạo được niềm tin đối với khách hàng về chất lượng sản phẩm cũng như tiến độ thi công. Đặc biệt trong những năm gần đây, Công ty đã trúng thầu những công trình lớn, nhỏ trị giá nhiều tỷ đồng như: nhà chung cư cao tầng, xây dựng đường giao thông, nhà văn hoá, thực hiện đầu tư các Dự án xây dựng khu đô thị mới Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại Sóc Sơn đã có những tiến bộ vượt bậc giá trị sản lượng năm 2013 đạt 60,6 tỷ đồng giá trị doanh thu

đạt 56,1 tỷ đồng thu nhập trung bình của người lao động đạt trung bình năm 2013 là 4,8 triệu đồng/người, tạo việc làm thường xuyên cho 250 cán bộ và công nhân lao động của công ty.

Đến nay tổng số cán bộ công nhân viên trong Công ty bao gồm 55 người có trình độ đại học bao gồm các ngành như kiến trúc sư, kỹ sư xây dựng, cử nhân kinh tế vv...30 người có trình độ trung cấp kỹ thuật và kinh tế còn lại là công nhân lành nghề, công nhân kỹ thuật và thợ phổ thông.

Đó là kết quả của sự phấn đấu và tự khẳng định mình của Ban lãnh đạo cũng như sự nỗ lực của từng thành viên trong Công ty. Chúng ta hy vọng rằng trong những năm tiếp theo, Công ty sẽ đạt được những thành tựu đáng kể trong việc tìm kiếm hợp đồng, mở rộng sản xuất và uy tín của công ty ngày càng được nâng cao.

Biểu đồ 2.1 Một số chỉ tiêu kinh tế những năm gần đây
(ĐVT:đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	So sánh năm 2013/2012	
			Tăng/giảm	Tỉ lệ (%)
1.Tổng DT BH	48.000.000.000	56.100.000.000	8.100.000.000	16,88
2.Giá vốn hàng bán	44.200.000.000	51.250.000.000	7.050.000.000	15,95
3.Lợi nhuận gộp	3.800.000.000	4.850.000.000	1.050.000.000	27,63
4. Chi phí QLKD	749.365.782	801.538.419	52.172.637	6,96
5. Tổng LNTT	3.050.634.218	4.048.461.581	997.827.363	32,71
6.Thu nhập BQ (người /tháng)	4.300.000	4.800.000	500.000	11,63

- Doanh thu của Công ty trong năm 2013 tăng 8.100.000.000 (đồng) so với năm 2012, tương ứng tỉ lệ tăng 16,88%.

- Các loại chi phí của Công ty hầu như đều tăng: Giá vốn hàng bán tăng 7.050.000.000 đồng, tương ứng tỉ lệ tăng 15,95%; chi phí QLKD tăng 52.172.637đ, tương ứng tỉ lệ tăng 6,96%.

Ta nhận thấy lợi nhuận của công ty năm sau tăng so với năm trước chứng tỏ công ty làm ăn có hiệu quả và cần tiếp tục phát huy.

2.1.2 Đặc điểm tổ chức sản xuất

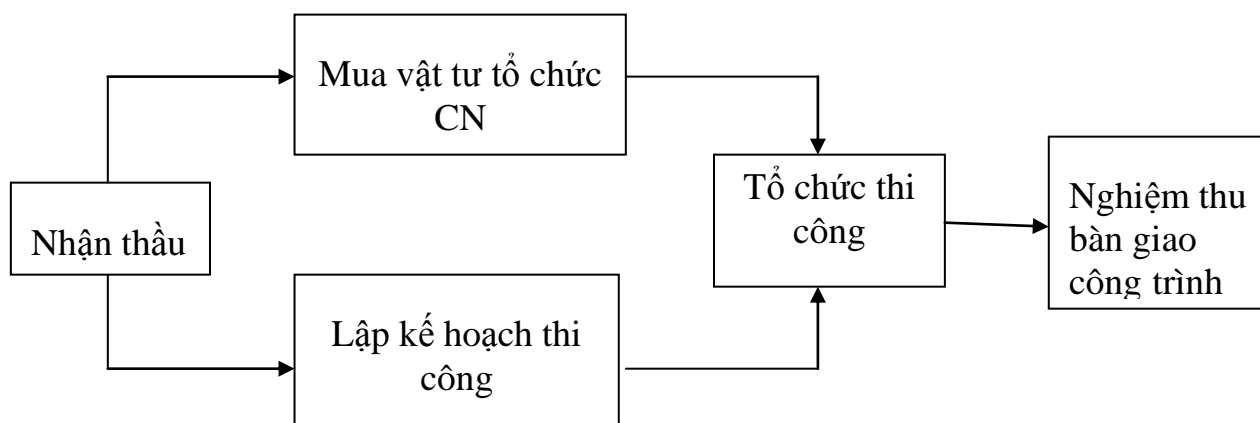
Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ các phòng ban của Công ty và đặc điểm của ngành xây dựng, Công ty tổ chức bộ máy sản xuất theo mô hình trực tuyến chức năng. Bộ máy sản xuất, có hiệu lực cao, phù hợp với cơ chế thị trường.

Các tổ đội thi công trong công ty theo các dự án mà đơn vị đã trúng thầu ,thực hiện dưới sự chỉ đạo của Giám đốc và các phòng ban.

2.1.2.1 Tìm hiểu các giai đoạn thực hiện công trình xây dựng

- Nhận thầu thông qua đấu thầu hoặc giao thầu trực tiếp(Chỉ định thầu)
- Ký hợp đồng xây dựng với chủ đầu tư công trình
- Lên cơ sở hồ sơ thiết kế và hợp đồng xây dựng đã được ký kết, công ty tổ chức quá trình sản xuất thi công để tạo ra công trình hoặc hạng mục công trình
- Khoan sục, khảo sát địa hình, địa chất để lấy mặt bằng thi công
- Tổ chức lao động bố trí máy móc thi công .
- Xây dựng, lắp ráp hoàn thiện công trình
- Công trình được hoàn thành dưới sự giám sát của tư vấn giám sát, chủ đầu tư công trình về mặt kỹ thuật và tiến độ thi công.
- Bàn giao công trình hoàn thành và quyết toán hợp đồng xây dựng với chủ đầu tư

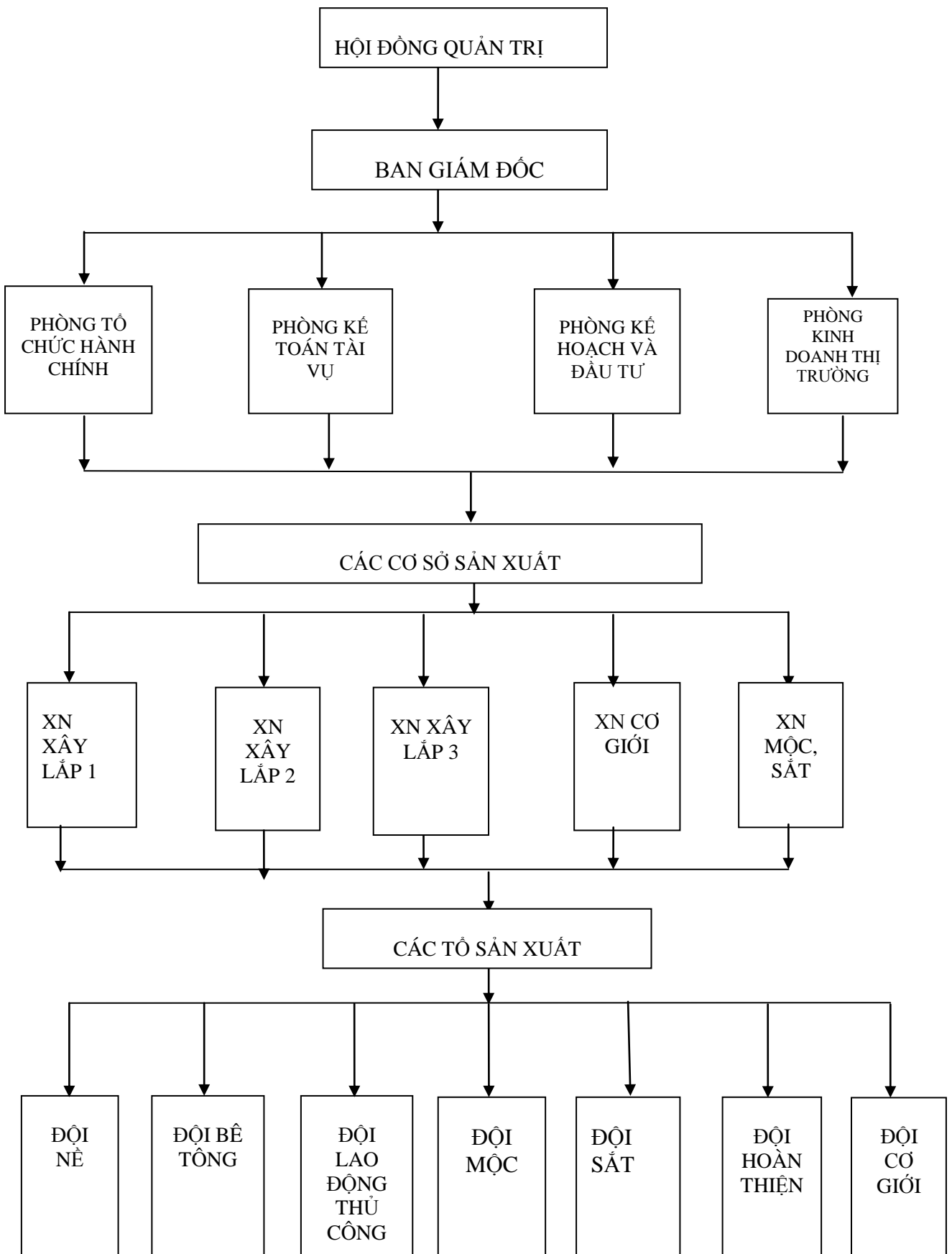
Sơ đồ 2.2: Quy trình công nghệ xây lắp tại doanh nghiệp



2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Công ty và đặc điểm của ngành xây dựng, Công ty tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng . Bộ máy Công ty tinh gọn, linh hoạt, có hiệu lực cao, phù hợp với cơ chế thị trường. Giám đốc Công ty là người trực tiếp chỉ huy toàn bộ bộ máy quản lý và các bộ phận khác.

Sơ đồ 2.3: Cơ cấu tổ chức của công ty CPĐTXD & TM Sóc Sơn



Hội đồng quản trị:

Có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển công ty, quyết định các phương án kinh doanh. Đầu tư giải pháp phát triển thị trường các hợp đồng quan trọng có giá trị lớn phải được HĐQT thông qua mới được thực hiện. Nói chung HĐQT đưa ra các đường lối các nghị quyết về phương hướng hoạt động kinh doanh của công ty, tổ chức bộ máy quản lý đồng thời đưa ra các quy chế quản lý nội bộ.

Ban giám đốc:

Có nhiệm vụ điều hành trực tiếp mọi hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty theo các nghị quyết của HĐQT và các phương án kinh doanh đã được phê duyệt, quản lý trực tiếp các phòng ban: phòng tài vụ kế toán, phòng tổ chức hành chính, kinh doanh thị trường, phòng kế hoạch và đầu tư.

Phòng tài vụ kế toán:

Có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán tài chính theo đúng chế độ kế toán tài chính của nhà nước, xử lý chứng từ, lập báo cáo tài chính, báo cáo quản trị cung cấp thông tin kịp thời về tình hình tài chính của công ty, tư vấn cho giám đốc trong việc ra quyết định kinh doanh.

Phòng tổ chức hành chính:

Có quyền tham mưu đầu mối chỉ đạo và thực hiện các lĩnh vực tổ chức quản lý cán bộ lao động nhân sự tiền lương, đào tạo, thi đua khen thưởng kỉ luật.

Phòng kế hoạch và đầu tư:

Có nhiệm vụ tổ chức và xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch về vật tư, kế hoạch quảng cáo xúc tiến mở rộng thị trường, tìm kiếm và tổng kết các hợp đồng kinh tế.

Phòng kinh doanh thị trường:

Thường xuyên nghiên cứu sưu tầm các thông tin liên quan đến giá cả thị trường, nguồn hàng và khai thác các khách hàng.

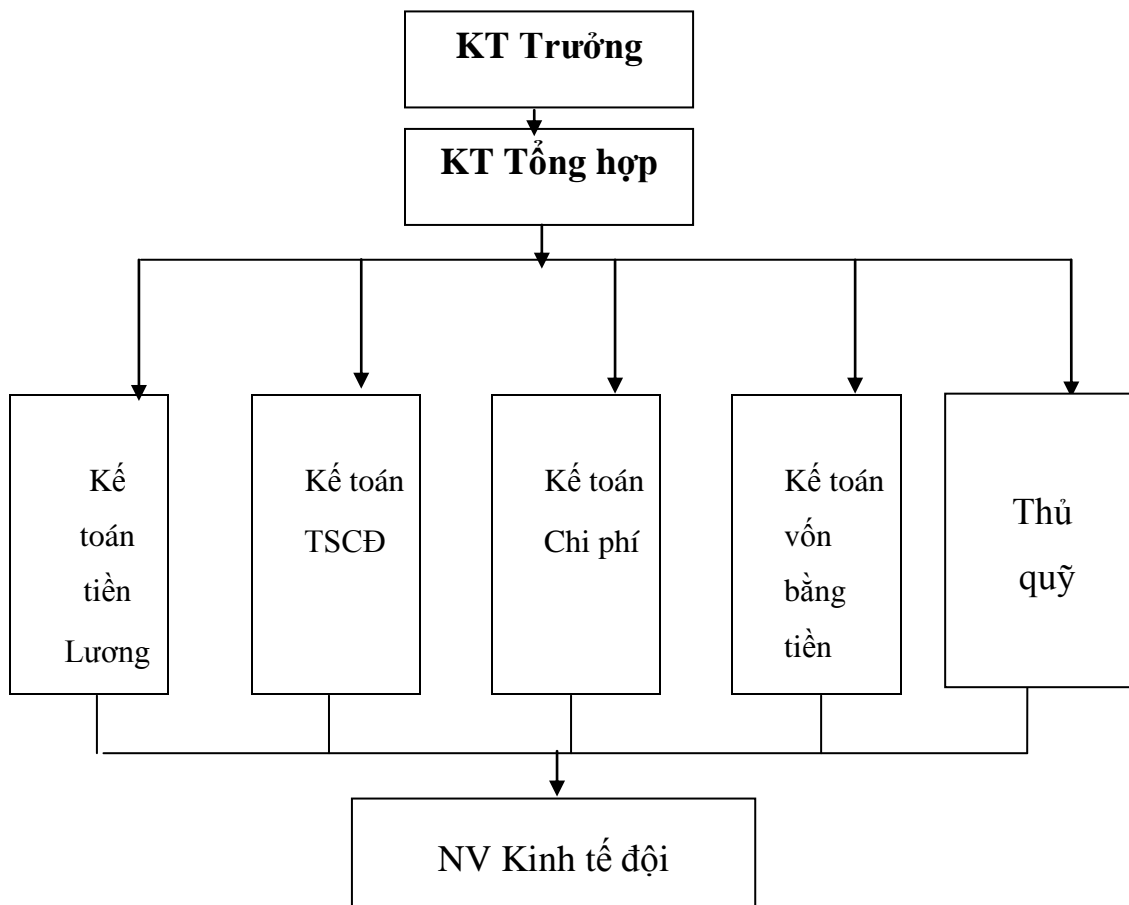
Phòng Kinh doanh phải tổ chức bộ máy bán hàng, hoạt động khoa học phát huy năng lực, đáp ứng nhu cầu gọn nhẹ hiệu quả và cử cán bộ trực tiếp theo dõi lượng hàng hoá mua vào bán ra cũng như tồn kho trên cơ sở có đánh giá tiềm năng hay hạn chế của từng mặt hàng;

2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng và Thương Mại Sóc Sơn: Là một đơn vị hạch toán kinh doanh độc lập. Được hạch toán toàn bộ đầu ra, đầu vào, lãi,

lỗi. Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo hình thức vừa tập trung vừa phân tán. Phòng kế toán thực hiện công tác kế toán chung của Công ty, tại các đội xây lắp các nhân viên Kinh Tế đội có nhiệm vụ tập hợp chi phí sản xuất trực tiếp phát sinh nhưng không tính giá thành các công trình, hạng mục công trình ở đội mình, cuối mỗi tháng tập hợp tất cả các hoá đơn, chứng từ, hợp đồng lao động và bảng dự toán định mức lên phòng Tài vụ- Kế toán của Công ty. Kế toán Công ty tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành, xác định kết quả sản xuất kinh doanh, xác định nghĩa vụ với Nhà nước và báo cáo lên cấp trên có liên quan. Giữa Công ty và đơn vị trực thuộc hạch toán theo cơ chế báo sổ. Các nhân viên trong phòng kế toán được phân chia trách nhiệm rõ ràng.

Sơ đồ 2.4 Sơ đồ bộ máy kế toán



Kế toán trưởng: Là người lãnh đạo trực tiếp về mặt nghiệp vụ của toàn bộ kế toán Công ty, chỉ đạo, tổ chức các phần hành kế toán. Kiểm tra giám sát toàn bộ các mặt hoạt động kinh tế tài chính tại Công ty, tham mưu cho Giám đốc để có thể đưa ra các quyết định hợp lý. Ngoài ra, kế toán trưởng còn giúp Giám đốc tập hợp số liệu kinh tế, tổ chức phân tích các hoạt động kinh doanh, phát

hiện ra khả năng tiềm tàng, thúc đẩy việc thực hiện chế độ hạch toán trong công tác bảo đảm cho hoạt động của Công ty thu được hiệu quả cao.

Kế toán tổng hợp : Là người tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm nên có nhiệm vụ thường xuyên kiểm tra, đối chiếu và định kỳ phân tích tình hình thực hiện các định mức chi phí đối với chi phí trực tiếp, chi phí chung, chi phí quản lý doanh nghiệp, đề xuất các biện pháp tăng cường quản lý và tiết kiệm chi phí sản xuất, lập báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh theo đúng chế độ và đúng thời hạn, tổ chức kiểm kê, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm. Phản ánh tổng hợp tình hình phát sinh ở các phân hành kế toán, xác định kết quả sản xuất kinh doanh và lập các báo cáo kế toán định kỳ theo qui định. Tổng hợp các báo cáo kế toán nộp Công ty và các ban ngành liên quan

Kế toán TSCĐ: Khi có biến động về TSCĐ, kế toán căn cứ vào các chứng từ hợp lệ tổ chức ghi chép, phản ánh, tổng hợp số liệu một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời về số lượng, hiện trạng và giá trị tài sản hiện có tình hình tăng giảm và di chuyển tài sản cố định trong nội bộ Công ty nhằm giám sát chặt chẽ việc mua sắm, đầu tư, việc bảo quản và sử dụng tài sản cố định tại Công ty. Định kỳ căn cứ vào tỷ lệ khấu hao quy định cho từng loại tài sản kế toán phản ánh kịp thời giá trị hao mòn TSCĐ trong quá trình sử dụng, tính toán, phân bổ hoặc kết chuyển chính xác số khấu hao vào chi phí sản xuất kinh doanh và lập các bảng tính khấu hao TSCĐ. Cuối mỗi niên độ kế toán tham gia kiểm kê, kiểm tra định kỳ hay bất thường TSCĐ, tham gia đánh giá lại tài sản cố định khi cần thiết, tổ chức phân tích tình hình bảo quản và sử dụng TSCĐ ở Công ty

Kế toán chi phí: Căn cứ vào các bảng dự toán về nguyên vật liệu, các chứng từ thu mua, nhập, xuất NVL kế toán tổ chức ghi chép, phản ánh kịp thời, chính xác số lượng, chất lượng và giá cả vật liệu tăng giảm, tồn kho vật liệu tại các đội xây dựng và tại kho của Công ty. Chấp hành đầy đủ chế độ hạch toán ban đầu (thủ tục nhập, xuất), kiểm tra chế độ bảo quản, dự trữ và sử dụng vật liệu, phát hiện và ngăn ngừa các trường hợp sử dụng lãng phí, hư hao thất thoát vật liệu. Ngoài ra kế toán còn cung cấp tài liệu cho phân tích kinh tế về vật liệu.

Kế toán tiền lương: Kế toán tổ chức công tác ghi chép ban đầu, xử lý và ghi sổ kế toán các nghiệp vụ liên quan đến tiền lương, BHXH...; tổ chức cung cấp thông tin, báo cáo và phân tích chi phí tiền lương, BHXH... trong chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty. Kết hợp cùng với bộ phận lao động tiền lương của

Công ty để vận dụng phương thức trả lương hợp lý. Tổ chức tính toán và xác định tiền lương phải trả, theo dõi tiền lương, phân bổ tiền lương hàng tháng cho cán bộ nhân viên trong Công ty, trích lập các quỹ: BHYT, BHXH, BHTN, KPCĐ.

Kế toán vốn bằng tiền: Phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời số hiện có, tình hình biến động và sử dụng tiền, kiểm tra chặt chẽ việc chấp hành chế độ thu chi và quản lý tiền, chế độ thanh toán không dùng tiền, đối chiếu với Ngân hàng các khoản tiền của Công ty ở Ngân hàng. Theo dõi, đối chiếu chi tiết từng khoản nợ phải thu, phải trả theo từng đối tượng, thường xuyên kiểm tra đôn đốc, thanh toán kịp thời các khoản nợ phải thu và phải trả. Phân loại các khoản nợ phải thu, phải trả theo thời gian thanh toán và theo từng đối tượng để có kế hoạch và biện pháp thanh toán phù hợp.

Thủ quỹ: Quản lý tiền mặt, ngân phiếu của Công ty, căn cứ vào các phiếu thu, phiếu chi kèm theo các chứng từ hợp lệ để nhập, xuất và vào sổ quỹ kịp thời theo nguyên tắc cập nhật. Hằng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu với số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

Nhân viên Kinh tế đội: Mỗi đội sản xuất đều có nhân viên kinh tế đội chịu trách nhiệm bảo quản, lưu giữ, tập hợp hoá đơn các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh tại đội, tập hợp chi phí ở các đội và gửi lên phòng kế toán các chứng từ và báo cáo liên quan.

2.1.4.1 Hình thức sổ kế toán của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây dựng & Thương Mại Sóc Sơn

Chế độ kế toán áp dụng đối với đơn vị vừa và nhỏ theo quyết định số 48/2006/QĐ/BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 của BTC

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong năm kế toán: Đồng Việt Nam
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên
- Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: Thực tế đích danh
- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: Khấu hao theo đường thẳng
- Phương pháp tính thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ.
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

Bao gồm các loại sổ chủ yếu sau: sổ nhật ký chung, sổ cái, sổ chi phí sản xuất kinh doanh, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết, bảng cân đối số phát sinh.

Theo hình thức này, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tập hợp từ chứng từ gốc, sau đó kế toán tiến hành ghi vào các sổ kế toán chi tiết (nếu có) và sổ tổng hợp.

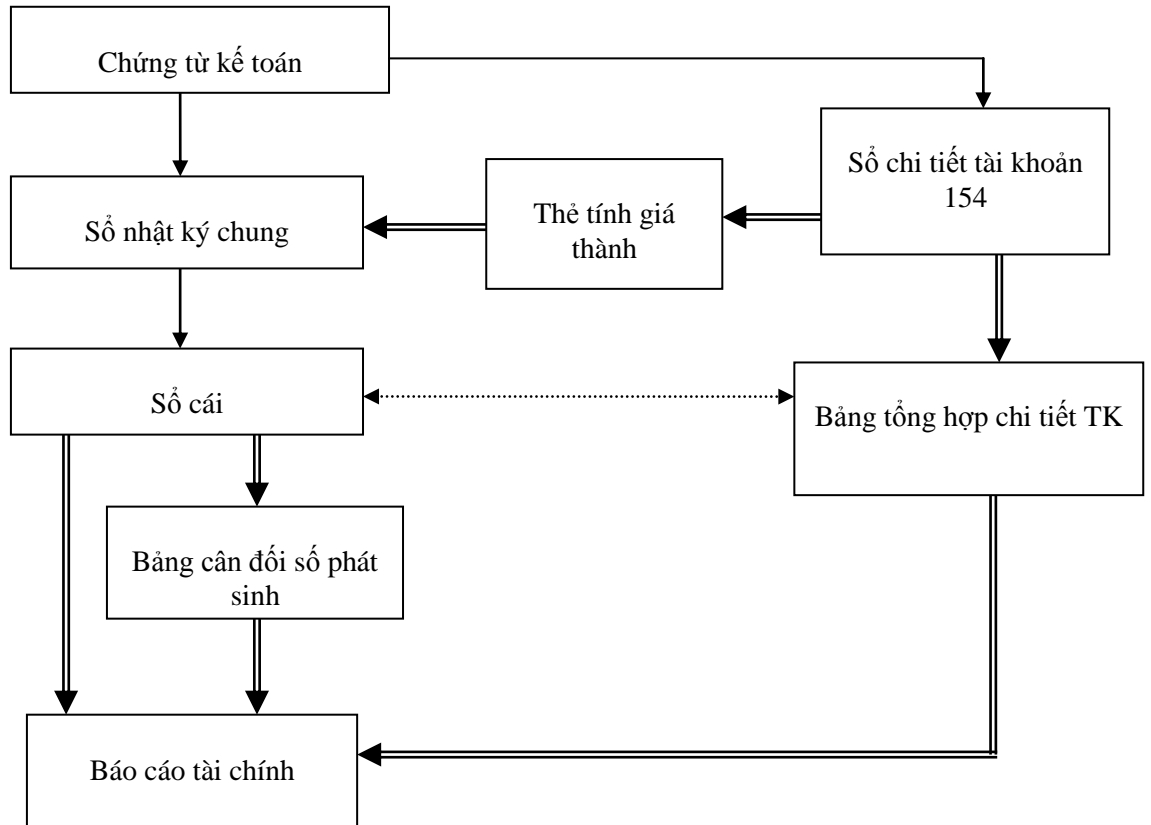
Phân hạch toán kế toán tổng hợp được thực hiện theo trình tự sau: từ chứng từ gốc kế toán ghi vào sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh các nghiệp vụ. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái và các tài khoản có liên quan. Cuối tháng, quý, năm kế toán cộng số liệu trên sổ cái, từ sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh.

Phần hành kế toán chi tiết được thực hiện theo trình tự sau: từ chứng từ gốc kế toán ghi các nghiệp vụ phát sinh vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan theo trình tự thời gian. Từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết.

Định kỳ kế toán kiểm tra và đối chiếu số liệu giữa sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết. Số liệu ghi trên sổ cái, bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết được dùng là cơ sở để kế toán lập báo cáo tài chính.

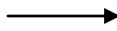
Sơ đồ 2.5

Trình tự ghi sổ chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký chung

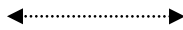


Ghi chú :

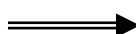
Ghi hằng ngày:



Đối chiếu:



Ghi cuối tháng :



2.1.4.1 Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán

Để tạo cơ sở pháp lý và hạch toán đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, Công ty đã sử dụng một hệ thống chứng từ tương đối hoàn chỉnh và phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Hệ thống chứng từ của Công ty gồm các loại sau:

Về kế toán lao động tiền lương: Bảng chấm công, Bảng thanh toán tiền lương, Phiếu nghỉ hưởng BHXH, Bảng thanh toán BHXH, Bảng thanh toán tiền thưởng, Hợp đồng lao động, Biên bản thanh lý hợp đồng.

Về kế toán nguyên vật liệu: Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho, Biên bản kiểm nghiệm, thẻ kho...

Về kế toán tiền tệ: Phiếu thu, Phiếu chi, Giấy đề nghị tạm ứng, Giấy xin thanh toán, Giấy thanh toán tiền tạm ứng, Bảng kiểm kê quỹ, Ủy nhiệm chi, Giấy lĩnh tiền mặt.

Về kế toán TSCĐ: Biên bản giao nhận TSCĐ, Thẻ TSCĐ, Biên bản thanh lý TSCĐ, Biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành, Biên bản đánh giá lại TSCĐ

Về kế toán mua hàng, thanh toán có: Hoá đơn bán hàng, Hoá đơn GTGT...

2.1.4.3 Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính

Công ty sử dụng các báo cáo tài chính quy định cho các doanh nghiệp xây lắp bao gồm 4 biểu mẫu báo cáo:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01-DNN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02-DNN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03-DNN)
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09-DNN)

2.2 Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp ở Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng và Thương Mại Sóc Sơn

Công ty áp dụng chế độ kế toán theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính với niên độ kế toán là năm dương lịch(bắt đầu từ 01/01 đến 31/12 hàng năm).

Tiếp đó đối với mỗi công trình và hạng mục công trình, kế toán tiếp tục mở các tài khoản chi tiết theo từng khoản mục chi phí như:

- TK 1541: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- TK 1542: Chi phí nhân công trực tiếp
- TK 1543: Chi phí sử dụng máy thi công
- TK 1544: Chi phí sản xuất chung

❖ Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất

Đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành được xác định là các công trình hạng mục công trình hoàn thành bàn giao hoặc khối lượng hoàn thành theo giai đoạn xây lắp hoặc theo điểm dừng kỹ thuật hợp lý.

❖ Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất:

- Phương pháp tập hợp trực tiếp: phương pháp này sử dụng để tập hợp trực tiếp các khoản chi phí phát sinh liên quan đến công trình, hạng mục công trình bao gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp,

chi phí sử dụng máy thi công từng công trình và chi phí sản xuất chung của từng công trình.

- Phương pháp tập hợp phân bổ gián tiếp: đối với chi phí sản xuất chung và chi phí sử dụng máy thi công có liên quan đến nhiều đối tượng chi phí (công trình, hạng mục công trình) thì được tập hợp chung cuối kỳ kế toán tiến hành phân bổ theo giá thành dự toán.

Trong bài khóa luận này em xin lấy ví dụ về xây dựng công trình Trường Cấp 2 Xuân Thu: 154- trường Cấp 2 Xuân Thu

2.2.1 Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu là chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm nên việc quản lý và sử dụng vật liệu tiết kiệm hay lãng phí có ảnh hưởng rất lớn đến sự biến động của giá thành sản phẩm và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Do đặc điểm của ngành xây dựng, để phục vụ cho sản xuất kinh doanh Công ty phải sử dụng đến rất nhiều loại nguyên vật liệu với khối lượng lớn như: xi măng, sắt thép, gạch, cát, đá...và chủ yếu là mua ngoài theo giá thị trường. Vì vậy để thuận tiện cho công tác quản lý và theo dõi vật tư, Công ty đã tiến hành phân loại chi phí NVL như sau:

- Nguyên vật liệu chính: Đây là đối tượng chủ yếu cấu thành thực thể sản phẩm của Công ty. Thuộc loại này gồm có xi măng, gạch, đá, sắt, thép...

Nguyên vật liệu phụ: Gồm những NVL không trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất mà chỉ làm thay đổi hình dáng bề ngoài sản phẩm. Thuộc loại này gồm có: sơn, ve, bột bả, sơn chống thấm...

Chi phí NVL trực tiếp được lập dự toán cho từng công trình, hạng mục công trình. Công ty đã xây dựng định mức chi phí NVL trực tiếp và tổ chức quản lý chặt chẽ. Khối lượng công việc thi công xây lắp được giao khoán cho đội xây dựng đảm nhiệm theo định mức, dự toán đã lập. Đội trưởng(chủ hạng mục công trình) của mỗi đội xây dựng chủ động quản lý lao động và bảo quản NVL phục vụ thi công công trình. Định kỳ mang hoá đơn về phòng kế toán để thanh toán.

Chi phí NVL ở Công ty thường liên quan trực tiếp đến từng công trình, hạng mục công trình. Do đó về tập hợp chi phí NVL trực tiếp được thực hiện theo phương pháp ghi trực tiếp. Các chi phí NVL trực tiếp phát sinh ở công

trình, hạng mục công trình nào được tập hợp trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình đó theo giá thực tế đích danh.

Tại các công trình do công ty quản lý tập trung, nguyên vật liệu trực tiếp phục vụ cho thi công do công ty xuất kho hoặc mua chuyển thẳng tới công trình xuất dùng trực tiếp không qua kho. Kho của công ty được đặt trực tiếp tại công trường đang tiến hành thi công để tạo thuận lợi cho việc xuất dùng nguyên vật liệu một cách nhanh chóng phù hợp với tiến độ thi công.

- Chứng từ sử dụng: Hóa đơn GTGT, Phiếu chi, Phiếu xuất kho, Phiếu nhập kho...

- Tài khoản sử dụng: 1541- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- Sổ sách sử dụng: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 1541, sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 1541- CP NVLTT(chi tiết theo từng CT, HMCT).

Căn cứ vào đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và giá trị vật liệu sử dụng:

Nợ TK 1541 : Chi phí NVLTT

Nợ TK 133 : Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 152 : Nguyên vật liệu (nếu xuất kho)

Có TK 111,112,33: Nếu mua sử dụng ngay cho công trình

Đối với vật tư qua kho: Khi tiến hành thi công công trình phòng kế hoạch phụ trách vật tư căn cứ tiến độ thi công và định mức sử dụng để lập dự toán lượng cung ứng vật tư cần thiết phục vụ công trình trong từng giai đoạn cụ thể. Khi có nhu cầu vật liệu, tổ trưởng hoặc đội trưởng lập Giấy yêu cầu cung cấp vật tư có xác nhận của ban chỉ huy công trường.

Căn cứ vào đó, bộ phận vật tư sẽ viết phiếu xuất kho gồm 3 liên, người lĩnh vật tư mang liên phiếu xuất đến thủ kho lĩnh vật tư. Thủ kho xuất kho theo đúng số lượng ghi trên phiếu xuất và cột thực xuất. Người nhận và thủ kho ký cả vào 3 liên, thủ kho đánh số hiệu xuất. Thủ kho giữ lại một liên để chuyển cho kế toán vật liệu hạch toán, 1 liên lưu, 1 liên người nhận đưa về nộp cho đội trưởng hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách công trường để kiểm tra số lượng và chất lượng vật liệu.

Cuối tháng nhân viên kinh tế đội công trình tập hợp các chứng từ trên về phòng kế toán của công ty. Tại đây, kế toán vật tư kiểm tra tính hợp pháp, đúng đắn của chứng từ và hạch toán. Kế toán căn cứ vào số dự toán và nhu cầu sử dụng để hạch toán, thông thường nhu cầu sử dụng không được vượt quá số dự toán.

Đối với vật tư xuất từ kho của Công ty thì giá trị thực tế vật liệu được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá trị thực tế của} & & \text{Giá thực tế đối} & & \text{Số lượng NVL} \\ \text{NVL xuất trong} & = & \text{với NVL nhập} & \times & \text{xuất trong kỳ} \\ \text{tháng} & & \text{kho theo từng lần} & & \text{mỗi lần nhập} \end{array}$$

Ví dụ: Trong quý IV/2013, Công ty CP ĐTXD & TM Sóc Sơn nhận thi công công trình “xây Trường Cấp 2 Xuân Thu” thực hiện giao khoán cho Xí nghiệp xây lắp I thi công từ ngày 01/10/2013 và hoàn thành bàn giao ngày 31/12/2013.

- Ngày 02/10/2013, Công ty xuất kho thép phục vụ công trình trị giá là 184.625.200 đồng. Căn cứ vào các chứng từ gốc: Phiếu xuất kho (biểu 2.1) kế toán tiến hành ghi đồng thời vào sổ Nhật ký chung và Sổ cái TK 154 toàn doanh nghiệp. Từ phiếu xuất kho (biểu 2.1) kế toán tiến hành ghi sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 1541- CPNVLTT (chi tiết cho từng CT, HMCT).

+ Khi xuất vật tư sử dụng kế toán định khoản:

$$\begin{array}{ll} \text{Nợ TK 1541 (XT):} & 184.625.200 \\ \text{Có TK 152:} & 184.625.200 \end{array}$$

Dưới đây là phiếu xuất kho ở công ty biểu 2.1

Biểu 2.1 Phiếu xuất kho

Đơn vị: Công ty ĐTXD&
TM Sóc Sơn
Địa chỉ: Tổ 4-Thị Trấn Sóc
Sơn-Sóc Sơn- Hà Nội

Phiếu xuất kho

Ngày 2 tháng 10 năm 2013
Số: 02/10

Mẫu số: 02 – VT

Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-
BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Họ tên người nhận hàng : Trần Trọng Tấn

Địa chỉ: Xí nghiệp xây lắp số 1

Nợ TK 1541:

Lý do xuất: Xuất cho CT trường cấp hai Xuân Thu

Có TK 152:

Xuất tại kho Xí nghiệp xây lắp số 1

ST T	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Thép cuộn $\phi 6 + \phi 8$		Kg	3562	3562	14.600	52.005.200
2	Thép cây D20		Cây	200	170	403.000	68.510.000
3	Thép cây D18		Cây	150	130	327.000	18.200.000
4	Thép cây D12		Cây	145	150	144.000	21.600.000
	Tổng						184.625.200

Ngày 02 tháng 10 năm 2013

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Người nhận hàng
(ký, họ tên)

Thủ quỹ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Tổng giám đốc
(ký, họ tên)

Đối với vật tư không qua kho: Căn cứ vào giấy yêu cầu cung cấp vật tư, cán bộ vật tư tiến hành mua và chuyển thẳng tới nơi thi công không qua kho của công ty.

Các chứng từ có liên quan là các hoá đơn GTGT, chứng từ phản ánh chi phí thu mua, chi phí vận chuyển và biên bản giao nhận vật tư đối với bộ phận sử dụng.

Đối với vật tư Công ty mua xuất thẳng tới công trình thì giá thực tế vật tư xuất dùng được tính:

Giá thực tế của nguyên vật liệu = Giá mua trên hoá đơn + Chi phí vận chuyển.

Khi các tổ đội công trình sử dụng NVL phải có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ, kế toán căn cứ vào số dự toán và nhu cầu sử dụng để hạch toán, thông thường nhu cầu sử dụng không được vượt quá số dự toán. Qua đó ta có thể thấy NVL sử dụng tại Doanh nghiệp được quản lý chặt chẽ, nên ít khi xảy ra trường

hợp sử dụng lãng phí. Vật liệu được đưa vào sử dụng đúng thời điểm không làm giảm tiến độ thi công các công trình. Phế liệu thu hồi của các công trình được tổ chức bán lại nhằm tạo thu nhập cho công ty tránh lãng phí và tăng giá thành sản phẩm.

Ví dụ: Ngày 10/10/2013 công ty mua gạch đình đặc 150.000 viên và 1000 m³ đá viên của công ty TNHH Hoa Mai xuất thẳng phục vụ thi công công trình Trường Cấp 2 Xuân Thu không qua kho.

Căn cứ vào hoá đơn GTGT 0000324 (biểu 2.2) kế toán phản ánh nghiệp vụ vào sổ Nhật ký chung biểu 2.3, sau đó phản ánh trên sổ cái TK 154 biểu 2.4. Từ sổ nhật ký chung, hoá đơn GTGT kế toán phản ánh trên sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 1541-CPNVLTT(Chi tiết cho từng CT, HMCT) biểu 2.5

Biểu 2.2: Hoá đơn GTGT

Tên cục thuế: Hà Nội		Mẫu số: 01GTKT3/001			
HÓA ĐƠN					
GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
Liên 2: Giao người mua				Ký hiệu: AP/13P	
Ngày 10 tháng 10 năm 2013				Số: 0000324	
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Hoa Mai					
Mã số thuế: 0101453243					
Địa chỉ: Nguyên Khê –Đông Anh – Hà Nội					
Số tài khoản: 711A36132895-ngân hàng Vietinbank Hà Nội					
Điện thoại: 043.882.7140					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Đức					
Tên đơn vị: Công ty CPĐT Xây Dựng và Thương Mại Sóc Sơn					
Mã số thuế: 0101471333					
Địa chỉ: Tổ 4- Thị trấn Sóc Sơn –Huyện Sóc Sơn- Hà Nội					
Hình thức thanh toán: chuyển khoản			Số tài khoản: 21138956 ngân hàng ACB Hà Nội		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Gạch đinh đặc	Viên	150.000	1.500	225.000.000
2	Đá viên	M ³	1.000	230.000	230.000.000
Cộng tiền hàng:					455.000.000
Thuế suất GTGT: 10 % , Tiền thuế GTGT:					45.500.000
Tổng cộng tiền thanh toán					500.500.000
Số tiền viết bằng chữ: : Năm trăm triệu năm trăm nghìn đồng					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ, tên)		(Ký, đóng dấu, họ, tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)	

Biểu 2.3 Công ty CPĐTXD và TM Sóc Sơn
Địa chỉ: Sóc Sơn, Hà Nội

Mẫu số : S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48 /2006/QĐ-BTC
Ngày 14 /9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013

Đơn vị :VND

NTghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số Tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang	
		
02/10	PX02/10	02/10	Xuất thép cho công trình cấp hai Xuân Thu	1541	184.625.200	
				152		184.625.200
10/10	GBN số 014	10/10	Mua gạch đinh đặc, đá phục vụ công trình đã thanh toán bằng TGNH cho CT Cấp 2 Xuân Thu	1541	455.000.000	
				133	45.500.000	
				112		500.500.000
18/10	PC11/10	18/10	Mua cát của Cty TNHH Bình Minh phục vụ Công trình đường 16	1541	8.320.000	
				133	832.000	
				111		9.152.000
24/10	GBN số 12	24/10	Mua xi măng cho công trình nhà văn hóa Đông Xuân	1541	726.000.000	
				133	72.600.000	
				112		798.600.000
01/11	PC13/11	01/11	Mua cát xây dựng cho công trình cấp 2 Xuân Thu	1541	12.000.000	
				133	1.200.000	
				111		13.200.000
		
			Cộng số phát sinh		105.362.000.000	105.362.000.000

Ngàythángnăm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên. đóng dấu)

(Nguồn : phòng kế toán công ty CPĐTXD & TM Sóc Sơn)

Từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 154 như biểu 2.4

Biểu 2.4 Công ty CP ĐTXD& TM Sóc Sơn
Tổ 4-Thị Trấn Sóc Sơn-SS-HN

Mẫu số S03b – DNN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-
BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI (Trích)

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: 154

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		6.868.542.000	
....	
02/10	PXK 02/10	02/10	Xuất thép cho công trình cấp hai Xuân Thu	152	184.625.200	
...	
10/10	GBN số 14	10/10	Mua gạch đinđặc, đá xuất thẳng phục vụ công trình Cấp 2 Xuân Thu	112	455.000.000	
...	
18/10	PC11/ 10	18/10	Mua cát xây dựng của công ty Bình Minh phục vụ công trình đường 16	111	8.320.000	
24/10	GBN số 12	24/10	Mua xi măng cho công trình nhà văn hóa Đông Xuân	112	726.000.000	
...
			Cộng phát sinh		95.432.000.000	90.758.515.000
			Dư cuối kỳ		11.542.027.000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán tập hợp các chứng từ liên quan để ghi vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 1541- CPNVLTT(theo từng CT, HMCT) ở biểu 2.5 sau:

Khoá luận tốt nghiệp

Đơn vị: **Công ty Cổ phần ĐTXD & TM Sóc Sơn**
 Địa chỉ: **Tổ 4- Thị trấn Sóc Sơn-Sóc Sơn-Hà Nội**

Mẫu số S18-DNN

Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Từ ngày 01/10 đến ngày 31/12/2013

Tên tài khoản: **Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Số hiệu: **1541**

Tên công trình: **“xây dựng trường cấp hai Xuân Thu”**

Đơn vị tính: *đồng*

Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Tổng tiền	Ghi nợ TK 154					
SH	NT				Chia ra					
					Thép	Xi măng	Gạch đĩnh đặc	Cát xây dựng	Đá
		<i>Số dư đầu kỳ</i>								
									
PX 02/10	02/10	Xuất thép phục vụ thi công công trình	152	184.625.000	184.625.200					
GBN số 14	10/10	Mua gạch đĩnh đặc, đá phục vụ thi công công trình	112	225.000.000			225.000.000			
GBN số 14	10/10	Mua đá phục vụ thi công công trình	112	230.000.000					230.000.000	
PC18/10	02/10	Mua cát xây dựng phục vụ công trình	152	12.000.000				12.000.000		
									
		Cộng phát sinh		17.521.376.000	1.567.000.000	505.000.000	115.000.000	490.000.000	...	535.330.000
		Ghi có tài khoản	632	17.521.376.000						
		<i>Số dư cuối kỳ</i>								

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2 Kế toán chi phí nhân công trực tiếp (NCTT)

Chi phí NCTT chiếm tỷ trọng lớn thứ hai sau chi phí NVLTT. Chi phí NCTT là khoản lương phải trả cho công nhân trực tiếp thực hiện sản xuất, công nhân phục vụ xây lắp.

Do đặc thù của ngành là có tính cơ động lớn nên Công ty tổ chức lực lượng lao động trực tiếp - công nhân thi công bao gồm hai bộ phận:

- Lực lượng lao động thuộc biên chế của Công ty
- Lực lượng lao động thời vụ thuê ngoài

➤ Hình thức trả lương của Công ty: Có hai hình thức

- Lương khoán: Căn cứ vào khối lượng công việc hoàn thành, căn cứ vào định mức tiền lương cho từng công việc để làm cơ sở tính lương và được giao khoán theo hợp đồng giao khoán.

Đơn giá khoán gọn được Đội trưởng công trình và tổ trưởng của các nhóm công nhân kỹ thuật dựa trên đơn giá của Nhà nước quy định và điều kiện cụ thể của từng công trình, hạng mục công trình ghi trên phiếu giao khoán hoặc theo giá thoả thuận giữa các bên.

- Lương thời gian: Áp dụng cho bộ phận gián tiếp phục vụ sản xuất. Tiền lương tính theo hệ số lương của Công ty căn cứ vào Bảng chấm công...

➤ Để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp xây lắp

- Chứng từ sử dụng: Bảng chấm công, Hợp đồng lao động, Hợp đồng giao khoán, Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện, Bảng thanh toán lương thuê ngoài, Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội...

- Tài khoản sử dụng: 1542- Chi phí nhân công trực tiếp xây lắp

- Sổ sách sử dụng: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 154, sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 1542- CPNCTTXL(chi tiết theo từng CT, HMCT).

Ví dụ: “Công trình xây Trường Cấp 2 Xuân Thu” do Xí nghiệp xây lắp 1 thi công. Trong đó giai đoạn thực hiện công trình từ tháng 10/2013 đến tháng 12/2013 tổng hợp lương công nhân trực tiếp sản xuất là: 3.856.473.000. Căn cứ vào Hợp đồng giao khoán, Biên bản thanh lý, Phiếu chi, Giấy báo nợ...kế toán đồng thời ghi vào sổ Nhật ký chung, sổ cái tài khoản 154, sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 1542- CPNCTTXL (chi tiết cho từng CT, HMCT).

Kế toán định khoản: Nợ TK1542 (Xuân Thu) : 3.856.473.000

Có TK 111 : 568.411.320

Có TK 112 : 3.288.061.680

Dưới đây là 1 hợp đồng giao khoán ở công trình trường Cấp 2 Xuân Thu biểu 2.6

Biểu 2.6

Công ty CPĐTXD &TM Sóc Sơn
Công trường: Trường cấp II Xuân Thu

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hợp đồng giao khoán

Số 12 / HĐ

Hôm nay, ngày 03/10/2013 tại: Trụ sở Công ty cổ phần Đầu Tư Xây
Dựng & Thương Mại Sóc Sơn

Địa chỉ: Tổ 4 –Thị trấn Sóc Sơn - Sóc Sơn –Hà Nội

I- Đại diện bên giao khoán: (Bên A)

Họ và tên: Trần Trọng Tấn

Chức vụ: Chủ nhiệm CT

II - Đại diện bên nhận khoán: (Bên B)

Họ và tên: Lê Thu Hải

Địa chỉ: Xuân Lai- Xuân Thu- Sóc Sơn –Hà Nội

Cùng nhau thoả thuận ký hợp đồng với nội dung sau:

1/ Bên A sẽ giao cho bên B khối lượng công việc:

(ĐVT: VNĐ)

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
1	Xây tường	M ²	5000	90.000	450.000.000
2	Đổ bê tông	M ³	1000	120.000	120.000.000
3	ốp tường và nền	M ²	750	180.000	135.000.000
	Cộng				705.000.000

Điều 2: Yêu cầu đảm bảo kỹ thuật, đúng bản vẽ, thi công đúng tiến độ yêu cầu.

Điều 3: Chế độ an toàn lao động bên B phải chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn lao động. Nếu xảy ra tai nạn lao động bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Điều 4: Thời gian bắt đầu từ ngày 03 tháng 10 năm 2013 hoàn thành vào ngày 31 tháng 10 năm 2013.

Điều 5: Hình thức thanh toán: bằng tiền ngân hàng và thanh toán sau khi nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

Điều 6: Thương phạt:

- Đảm bảo kỹ thuật và đúng thời gian, thưởng 2% khối lượng hoàn thành
- Không đảm bảo đúng theo yêu cầu kỹ thuật, không đáp ứng theo tiến độ sản xuất phạt 5% khối lượng đã làm

Đại diện bên A

Đại diện bên B

Chỉ huy trưởng

Kế toán

Kỹ thuật

Tổ trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Sau khi kết thúc hợp đồng tổ trưởng cùng chỉ huy trưởng công trình tiến hành kiểm tra và nghiệm thu.

Dưới đây là Biên bản thanh lý hợp đồng của hợp đồng giao khoán ngày 03/10/2013 biểu 2.7 và giấy báo nợ của ngân hàng biểu 2.8

Biểu 2.7

Công ty CP Đầu tư xây dựng và thương mại Sóc Sơn-----

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20 / TLHD

Bản thanh lý hợp đồng

Hôm nay ngày 31 tháng 10 năm 2013, thành phần gồm:

+ Đại diện bên giao thầu:

Trần Trọng Tấn – Chức vụ: Chủ nhiệm CT

+ Đại diện bên nhận khoán:

Lê Thu Hải - Địa chỉ: Xuân Lai - Xuân Thu- Sóc Sơn –Hà Nội

Cùng nhau tiến hành thanh lý hợp đồng số 12 ngày 03 tháng 10 năm 2013

Cả hai bên A và B cùng tiến hành nghiệm thu khối lượng.

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
1	Xây tường	M ²	5000	90.000	450.000.000
2	Đổ bê tông	M ³	1000	120.000	120.000.000
3	ốp tường và nền	M ²	750	180.000	135.000.000
	Cộng				705.000.000

Về thời gian: Đạt yêu cầu

Về chất lượng: Đạt chất lượng

Thưởng phạt: Không

Đại diện bên A

Đại diện bên B

Giấy Báo Nợ của ngân hàng ACB số 023

Biểu số 2.8

Ngân hàng Á Châu	GIAY BAO NO	Mã GDV: DO THU HA
Chi nhánh: ACB- CN Đông Anh	Ngày 31 tháng 10 năm 2013	MA KH: 45608
		SO GD: 25
Kính gửi: CTY CPĐTXD & TM SOC SON		
Ma so thue: 01014713333		
Hom nay, chung toi xin thong bao da ghi No tai khoan cua quy khach voi noi dung nhu sau:		
So tai khoan ghi No: 21138956		
So tien bang so: 705.000.000		
So tien bang chu: Bảy trăm linh năm triệu đồng		
Noi dung: Chuyen tien thanh toan hop dong khoan nhan cong ngay ky ngay 03/10/2013 cua cong ty		
Giao dich vien		Kiem soat

Từ hợp đồng giao khoán biểu 2.6, biên bản thanh lý hợp đồng biểu 2.7, giấy báo nợ biểu 2.8 kê toán tiến hành phản ánh vào sổ nhật ký chung biểu 2.9, sổ cái TK 154 biểu 2.10, sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 1542- Chi phí NCTTXL công trình trường Cấp 2 Xuân Thu ở biểu 2.11.

Biểu 2.9 CÔNG TY CP ĐTXD & TM Sóc Sơn

Mẫu số S03a –DNN

Địa chỉ: Tổ 4-Thị trấn Sóc Sơn-Sóc Sơn-Hà Nội (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị: đồng

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	SHT K	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
		
10/10	GBN số 021	10/10	Thanh toán lương cho công nhân đội nề CT trường Cấp 2 Xuân Thu	1542 112	150.000.000	150.000.000
15/10	GBN số 022	15/10	Thanh toán lương đội bê tông CT trường cấp 2 Xuân Thu	1542 112	58.000.000	58.000.000
31/10	GBN số 023	31/10	Thanh toán lương khoán cho công nhân ở hợp đồng giao khoán 12	1542 112	705.000.000	705.000.000
15/10	GBN số 24	15/10	Tính lương cho lao động thuê ngoài (tổ mộc) theo hợp đồng thuê nhân công số 12	1542	34.000.000	
				112		34.000.000
20/10	PC50/10	20/10	Thanh toán lương cho lao động thuê ngoài (đội bê tông) công trình đường 16	1542	28.400.000	
				111		28.400.000
31/11	GBN số 025	31/11	Thanh toán lương phải trả cho đội bê tông công trình xây nhà văn hóa Đông Xuân	1542	43.600.000	
				112		43.600.000
31/12	PC45/12	31/12	Tính lương cho CNTT của CT trường cấp II đường 16 (đội sắt)	1542 111	48.100.000	48.100.000
.....		
			Cộng số phát sinh		108.419.000.000	108.419.000.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(ký,họ tên)

Kế toán trưởng

(ký,họ tên)

Giám đốc

(ký,họ tên,đóng dấu)

Từ sổ Nhật ký Chung kế toán tiến hành ghi vào sổ cái TK 154 biểu 2.14 dưới đây

Biểu 2.10

Đơn vị: Công ty CP ĐTXD & TM Sóc Sơn

Mẫu số S03b – DNN

Địa chỉ: Tổ 4- Thị Trấn Sóc Sơn-Sóc Sơn -HN

(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-

BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI (trích)

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu tài khoản: 154

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		6.868.542.000	
....	
10/10	GBN số 021	10/10	Thanh toán lương cho CNTT của CT trường cấp II Xuân Thu(đội nề)	112	150.000.000	
15/10	GBN số 022	15/10	Thanh toán lương đội bê tông công trình trường Cấp 2 Xuân Thu	112	58.000.000	
31/10	GBN số 23	31/10	Thanh toán lương khoán cho công nhân ở hợp đồng giao khoán 12	112	705.000.000	
20/10	PC50/10	20/10	Thanh toán lương cho đội lao động thuê ngoài (đội bê tông) công trình đường 16	111	28.400.000	
...
			Cộng phát sinh		95.432.000.000	90.758.515.000
			Số Dư cuối kỳ		11.542.027.000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán tập hợp các chứng từ liên quan phản ánh vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh 1542- NCTTXL cho công trình xây trường Cấp 2 Xuân Thu (biểu 2.11)

Biểu 2.15

Đơn vị: Công ty Cổ phần ĐTXD & TM Sóc Sơn
 Địa chỉ: Tô 4- Thị trấn Sóc Sơn-Sóc Sơn-Hà Nội

Mẫu số S18-DNN

Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Từ ngày 01/10 đến ngày 31/12/2013

Tên tài khoản: Chi phí nhân công TTXL Số hiệu: 1542

Tên công trình: “xây dựng trường cấp hai Xuân Thu”

Đơn vị tính : đồng

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Tổng tiền	Ghi nợ TK 154	
SH	NT				Chia ra	
					111	112
		<i>Số dư đầu kỳ</i>				
					
GBN số 021	10/10	Thanh toán lương cho công nhân đội nề ở HĐGK 13	112	150.000.000		150.000.000
GBN số 022	15/10	Thanh toán cho công nhân đội bê tông ở HĐGK 14	112	58.000.000		58.000.000
GBN số 023	31/10	Thanh toán lương khoán cho công nhân ở hợp đồng giao khoán 12	112	705.000.000		705.000.000
	
		Cộng phát sinh		3.856.473.000	568.411.320	3.288.061.880
		Ghi có tài khoản	632	3.856.473.000		
		<i>Số dư cuối kỳ</i>				

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

2.2.3 Kế toán chi phí sử dụng máy thi công

Chi phí sử dụng máy thi công là toàn bộ chi phí về vật liệu, nhân công và các khoản chi phí khác có liên quan đến việc sử dụng máy thi công để phục vụ tại công trình mà công ty đang thi công.

Do Công ty có quy mô nhỏ, các công trình thi công có địa bàn hoạt động rộng nên chủ yếu dùng phương pháp thủ công nên việc sử dụng máy không thường xuyên. Mặt khác phải di chuyển máy thi công theo địa bàn hoạt động, giá trị của các máy thi công chuyên dụng lại lớn nên Công ty không đầu tư mua máy riêng mà tiến hành thuê ngoài tại các nơi gần với địa bàn thi công và thuê máy thi công theo khối lượng công việc theo hình thức thuê ngoài máy thi công trọn gói.

Hằng ngày, cán bộ kỹ thuật công trình sẽ tiến hành theo dõi tình hình hoạt động của máy ghi vào bản xác nhận giờ máy làm việc hoặc nhật trình hoạt động máy thi công và biên bản xác nhận giờ máy làm việc có chữ ký của bên đại diện cho thuê và cán bộ kỹ thuật để làm căn cứ xác nhận số giờ máy thanh toán cho bên cho thuê. Với việc đi thuê máy móc thiết bị thi công, công ty sẽ không phải tiến hành việc trích khấu hao sử dụng máy thi công. Việc tính và trích khấu hao sẽ do bên cho thuê chịu trách nhiệm.

- Chứng từ sử dụng: hoá đơn GTGT, phiếu chi, hợp đồng thuê máy...
- Tài khoản sử dụng: 1543 – Chi phí sử dụng máy thi công
- Sổ sách sử dụng: sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 154, sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 1543- chi phí SDMTC(chi tiết theo từng CT, HMCT).

Ví dụ: Công trình trường Cấp 2 Xuân Thu

+ Tổng hợp Chi phí sử dụng máy thi công CT trường cấp 2 Xuân Thu:

Nợ TK 1543	:	2.501.464.000
Nợ TK 133	:	250.146.400
Có TK 111	:	596.342.000
Có TK 112	:	2.155.268.400

Hoá đơn GTGT về thuê máy thi công cho CT trường Cấp Hai Xuân Thu: biểu 2.12 dưới đây

Biểu 2.12

Tên cục thuế: Hà Nội.....		Mẫu số: 01GTKT3/001			
HÓA ĐƠN					
GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
Liên 2: Giao người mua				Ký hiệu: AA/13P	
Ngày 25 tháng 10 năm 2013				Số: 0000088	
Đơn vị bán hàng: Công ty CP Thương Mại Minh Trang					
Mã số thuế: 01032021118					
Địa chỉ: Nguyễn Khê –Đông Anh - Hà Nội					
Số tài khoản: 0031000161871-ngân hàng Vietcombank					
Điện thoại: 043.638.0082					
Họ và tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty CPĐTXD & TM Sóc Sơn					
Mã số thuế: 0101471333					
Số tài khoản: 21138956 tại Ngân hàng ACB Hà Nội-Chi nhánh Đông Anh					
Địa chỉ: Tổ 4 – Thị trấn Sóc Sơn- Sóc Sơn –Hà Nội					
Hình thức thanh toán: chuyển khoản					
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính (ca máy)	Số lượng Thuê	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Thuê máy trộn bê tông dung tích 500 lít	20	10	368.193	73.638.600
2	Thuê máy trộn vữa D.tích 200 lít	25	15	252.644	94.741.500
3	Thuê máy sàng đá sỏi 11m ³ /h	22	12	272.166	71.851.824
4	Thuê máy đầm bê tông đầm dùi CS 0.8kWh	21	7	224.352	32.979.744
5	Thuê máy san tự hành 90CV	10	5	1.491.625	74.581.250
Cộng tiền hàng:					347.792.918
Thuế suất GTGT: 10%, Tiền thuế GTGT:					34.779.292
Tổng cộng tiền thanh toán:					382.572.210
Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm tám hai triệu năm trăm bảy hai nghìn hai trăm mười đồng					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ, tên)		(Ký, đóng dấu, họ, tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)	

Từ hoá đơn chứng từ kế toán tiến hành vào sổ Nhật Ký Chung như biểu 2.13 sau

Biểu 2.13

Đơn vị: Công ty CPĐT XD & TM Sóc Sơn

Mẫu số S03a –DNN

Địa chỉ: Tổ 4 – Thị trấn Sóc Sơn- Sóc Sơn –Hà Nội.

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng.

Ngày GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
				
05/10	GBN số 27	05/10	Thuê máy thi công theo HĐTM số 5 CT nhà văn hoá Đông Xuân	1543 133 112	50.836.000 5.083.600	55.919.600
25/10	GBN số 29	25/10	Thuê máy trộn bê tông, máy trộn vữa, máy sàng đá sỏi.... phục vụ thi công CT cấp II Xuân Thu	1543 133 112	347.792.918 34.779.292	382.572.210
01/11	GBN số 32	01/11	Thanh toán tiền thuê máy trộn bê tông CT nâng cấp đường 16	1543 133 112	129.000.000 12.900.00	141.900.000
02/11	GBN số 35	02/11	Thuê máy san nền thi công CT trường cấp 2 Xuân Thu	1543 133 112	48.241.000 4.824.100	53.065.100
12/11	GBN số 38	12/11	Thanh toán chi phí sử dụng máy thi công cho công trình nhà văn hóa Đông Xuân	1543 133 112	25.030.000 2.503.000	27.533.000
...
10/12	GBN số 40	10/12	Hợp đồng thuê máy CT trường Cấp 2 Xuân Thu	1543 133 112	56.000.000 5.600.000	61.600.000
31/12	PC45/12	31/12	Thanh toán lương trực tiếp cho công nhân T12 đội nề nhà Tỉnh nghĩa	334 111	56.500.000	56.500.000
...
			Cộng phát sinh		135.002.100.000	135.002.100.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Từ sổ Nhật ký chung kế toán tiến hành phản ánh vào sổ cái tài khoản 154 như biểu 2.14 sau:

Biểu 2.14

Mẫu số S03b –DNN

Đơn vị: Công ty CP ĐTXD & TM Sóc Sơn

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng
BTC)

Địa chỉ: Tổ 4-Thị trấn Sóc Sơn-Sóc Sơn-Hà Nội

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu tài khoản: 154

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị : đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		6.868.542.000	
			Số phát sinh			
		
05/10	GBN số 27	05/10	Thuê máy thi công theo hợp đồng 05	112	50.836.000	
					
10/10	GBN số 28	10/10	Thuê máy thi công theo hợp đồng số 11 của công ty TNHH Mai Hoa	112	65.264.000	
25/10	GBN số 29	25/10	Thuê máy trộn bê tông, máy trộn vữa, máy sàng đá phục vụ thi công CT cấp II Xuân Thu	112	347.792.218	
			
10/12	GBn số 40	10/12	Hợp đồng thuê máy CT Trường Cấp 2 Xuân Thu	112	56.000.000	
		
			Cộng phát sinh		95.432.000.000	90.758.515.000
			Số dư cuối kỳ		11.542.027.000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên, đóng dấu)

Từ hoá đơn GTGT, sổ cái kế toán tập hợp chi phí SDMTC của công trình cấp 2 Xuân Thu vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 1543-công trình Cấp 2 Xuân Thu biểu 2.15 sau:

Biểu 2.15

Đơn vị: Công ty Cổ phần ĐTXD & TM Sóc Sơn

Địa chỉ: Tổ 4- Thị trấn Sóc Sơn-Sóc Sơn-Hà Nội

Mẫu số S18-DNN

Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Từ ngày 01/10 đến ngày 31/12/2013

Tên tài khoản: Chi phí sử dụng máy thi công Số hiệu: 1543

Tên công trình: “xây dựng trường cấp hai Xuân Thu”

Đơn vị tính : đồng

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Tổng tiền	Ghi nợ TK 154	
SH	NT				Chia ra	
					111	112
		<i>Số dư đầu kỳ</i>				
					
GBN số 29	25/10	Thuê máy trộn bê tông phục vụ thi công CT Trường Cấp 2 Xuân Thu	112	347.792.218		347.792.218
			
GBN số 33	02/11	Thuê máy san nền thi công CT trường cấp 2 Xuân Thu	112	48.241.000		48.241.000
			
GBN số 40	10/12	Hợp đồng thuê máy CT trường Cấp 2 Xuân Thu	112	56.000.000		56.000.000
	
		Cộng phát sinh		2.501.464.000	596.342.000	2.155.268.400
		Ghi có tài khoản	632	2.501.464.000		
		<i>Số dư cuối kỳ</i>				

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

2.2.4 Kế toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung của hoạt động xây lắp là những chi phí có liên quan đến việc tổ chức, phục vụ và quản lý thi công của các đội xây lắp ở các công trường xây dựng. Tại doanh nghiệp chi phí này cũng được tập hợp trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình.

Chi phí sản xuất chung bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý phân xưởng
- Chi phí vật liệu phục vụ quản lý
- Chi phí công cụ dụng cụ sản xuất
- Chi phí khấu hao TSCĐ.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Để theo dõi các khoản chi phí sản xuất chung, kế toán sử dụng TK 1544 được mở chi tiết theo từng công trình, hạng mục công trình.

2.2.4.1 Chi phí nhân viên quản lý phân xưởng

Chi phí nhân viên quản lý phân xưởng bao gồm tiền lương và các khoản trích theo lương, các khoản phụ cấp. Cuối tháng, căn cứ vào bảng chấm công gửi về phòng kế toán, kế toán lập bảng thanh toán lương. Từ bảng thanh toán lương kế toán lập bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội. Căn cứ vào bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội phản ánh vào sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 154. Từ sổ cái TK 154 ghi vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 1544- CP SXC (chi tiết cho từng CT, HMCT)

Ví dụ:

Công trình trường Cấp 2 Xuân Thu bắt đầu thi công vào 01/10/2013 đến 31/12/2013. Do đó để tập hợp chi phí nhân viên quản lý phân xưởng kế toán phải tập hợp lương trong cả 3 tháng: 10, 11, 12 thông qua các bảng thanh toán lương, bảng phân bổ tiền lương.

Dưới đây là trích bảng phân bổ tiền lương tháng 12(biểu 2.16), các tháng 10, 11 tương tự

Khoá luận tốt nghiệp

Đơn vị: Công ty CP ĐTXD & TM Sóc Sơn

Mẫu số : 11-LĐTL

(Ban hành theo QĐ 48/2006/ QĐ - BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI

Tháng 12 năm 2013

đơn vị: Đồng

TT	Ghi có TK Ghi Nợ TK	TK 334			TK 338					TK 335	Tổng cộng
		Lương	các khoản khác	Cộng có 334	KPCĐ (2%)	BHXH (17%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	Cộng có TK 338		
1	TK 154 - chi phí sản xuất KDDD										
	- 1544 - chi phí sản xuất chung	556.376.000	-	556.376.000	111.275.200	94.583.920	16.691.280	5.563.760	127.966.480	-	684.342.480
	+ CT nhà văn hoá Đông Xuân	31.000.00	-	31.000.000	620.000	5.270.000	930.000	310.000	7.130.000	-	38.130.000
	+ CT nâng cấp đường 16	32.600.000	-	32.600.000	652.000	5.542.000	978.000	326.000	7.498.000	-	40.098.000
	+CT xây trường cấp 2 XT	121.079.000	-	121.079.000	2.421.580	20.583.430	3.632.370	2.210.790	27.848.170	-	148.927.170
	+.....
2	TK 642- chi phí QLKD	175.896.000	-	175.896.000	3.517.920	29.902.320	2.276.880	1.758.960	40.456.080	-	216.352.080
	+Lương phòng kế toán tài vụ	48.000.000	-	48.000.000	960.000	8.160.000	1.440.000	480.000	11.040.000	-	59.040.000
	+ lương phòng KD thị trường	38.600.000	-	38.600.000	772.000	6.562.000	1.158.000	386.000	8.878.000	-	47.478.000

	Cộng	732.272.000	-	732.272.000	14.645.440	124.486.240	21.968.160	7.322.720	168.422.560	-	900.694.560

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Đối với lương nhân viên quản lý đội công trình trường cấp 2 Xuân Thu, kế toán tập hợp được lương nhân viên quản lý phân xưởng trong 3 tháng 10,11,12:

Nợ TK 1544 : 403.664.000

Có TK 334 : 403.664.000

Bên cạnh lương phải trả, cán bộ nhân viên quản lý đội được hưởng BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, BHTN theo tỷ lệ quy định trích theo lương (nhân viên trong danh sách biên chế của công ty). Kế toán hạch toán:

Nợ TK 1544 : 92.842.720

Nợ TK 334 : 38.348.080

Có TK 3383 : 96.879.360

Có TK 3382 : 8.073.280

Có TK 3384 : 18.164.880

Có TK 3389 : 8.073.280

➤ **Chi phí NVL:**

Căn cứ vào các hoá đơn GTGT về mua NVL phục vụ phân xưởng, kế toán tập hợp chi phí vật liệu dùng cho phân xưởng. Chi phí NVL dùng cho phân xưởng thường dùng để làm lều, lán trại...

Đối với Công trình trường cấp 2 Xuân Thu:

Nợ TK 1544 : 92.647.500

Nợ TK 133 : 9.264.750

Có TK 152 : 101.912.250

➤ **Chi phí Công cụ Dụng cụ:**

Công cụ dùng cho hoạt động quản lý công trường thường có giá trị nhỏ nên được phân bổ một lần vào chi phí dụng cụ sản xuất. Dựa vào những chứng từ như: Hoá đơn GTGT, phiếu xuất CCDC kế toán hạch toán vào tài khoản 1544 chi tiết cho từng CT, HMCT. Thông thường công ty quản lý chi phí CCDC thông qua các hoá đơn GTGT và bảng kê CCDC do bộ phận vật tư lập.

Biểu 2.17. BẢNG KÊ CCDC TRONG CÔNG TRÌNH

Năm 2013

STT	Số CT	Ngày tháng	Nội dung	Tiền hàng	Thuế GTGT	Tổng tiền thanh toán
					
1	PC22/10	11/10	Mua dây cáp điện dùng cho công trình cấp 2 Xuân Thu	4.800.000	480.000	5.280.000
		
32	PC48/12	30/12	Mua dây dầm dùi phục vụ thi công CT nhà Văn hoá Đông Xuân	1.250.000	125.000	1.370.500
Tổng cộng						95.078.000

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

TB.TC-KT
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi rõ họ tên)

Dựa vào HĐ GTGT, phiếu xuất, bảng kê kế toán tập hợp chi phí CCDC dùng cho phân xưởng Công trình trường cấp 2 Xuân Thu:

Nợ TK 1544 : 59.430.000

Nợ TK 133 : 5.943.000

Có TK 153 : 65.373.000

➤ **Chi phí khấu hao tài sản cố định:**

Doanh nghiệp nhỏ nên không có các nhà xưởng, thiết bị quản lý cho các nhân viên quản lý nên kế toán không trích khấu hao cho khoản mục chi phí này.

➤ **Chi phí dịch vụ mua ngoài:**

Khoản chi phí dịch vụ mua ngoài của công ty bao gồm: chi phí điện nước, điện thoại phục vụ cho văn phòng đội. Khi phát sinh các chi phí dịch vụ mua ngoài, nhân viên kinh tế đội sẽ tập hợp tất cả các hoá đơn chứng từ liên quan như: biên lai thanh toán tiền điện nước, phiếu thu của các đơn vị khác, cuối tháng chuyển về phòng kế toán để hạch toán.

Dưới đây là hoá đơn GTGT tiền điện tháng 10 tại phân xưởng của xí nghiệp xây lắp 1 biểu 2.18, phiếu chi thanh toán tiền điện biểu 2.19

Biểu 2.18 Hóa đơn GTGT tiền điện tháng 10

Mẫu số:01GTKT3/001
 Ký hiệu: UH/14T
 Số: 0063528

HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT

(Liên 2: Giao người mua)

Công ty TNHH EVN Điện lực Hà Nội Kỳ: 3 Từ ngày 1/10/2013 đến ngày 31/10/2013

Điện lực: Sóc Sơn MST: 0100340211 - 002

Địa chỉ: Tổ 7-Thị Trấn Sóc Sơn- Sóc Sơn- Hà Nội

Điện thoại: 043.8843472 Tài khoản:

Tên & địa chỉ khách hàng : Xí nghiệp xây lắp số 1

MSTKH: 020010 2626 MKH: Số công tơ: 030189

Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Hệ số nhân	Điện TT	Đơn giá	Thành tiền
4655	4580	115	8.625		
Ngày 31 tháng 10 năm 2013		Trong đó	8.625	1.580	13.627.500
Bên bán		Cộng			13.627.500
Đóng dấu		Thuế suất GTGT: 10% Thuế GTGT			1.362.750
		Tổng cộng tiền thanh toán			14.990.250
Số tiền viết bằng chữ: Mười bốn triệu chín trăm chín mươi nghìn hai trăm năm mươi đồng					

Biểu 2.19 Phiếu chi thanh toán tiền điện ở xí nghiệp xây lắp 1

Đơn vị: Công ty CPĐTXD & TM Sóc Sơn

Mẫu số 02-TT

Địa chỉ: Tổ 4-Thị trấn Sóc Sơn –Sóc Sơn-HN

(Theo QĐ số 48/2006QĐ –BTC ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2009 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Số 35/10

Ngày 31 tháng 10 năm 2013

Họ tên người nộp tiền: Nguyễn Quang Tuấn

Nợ TK 1544:

Địa chỉ: Phòng tài vụ kế toán

Nợ TK 133 :

Lý do chi: Chi nộp tiền điện tháng 10 ở PXSX xây lắp 1

Có TK 111 :

Số tiền: 14.990.250

Viết bằng chữ: Mười bốn triệu chín trăm chín mươi nghìn hai trăm năm mươi đồng

Kèm theo 01..chứng từ gốc 01GTKT3/001 số 0063528

Ngày 31 tháng 10 năm 2013

Giam đốc	Kế toán	Thủ quỹ	Người lập	Người nhận
(Ký ,học tên	trưởng	(Ký ,họ tên)	phiếu	tiền
,đóng dấu)	(Ký ,họ tên)		(Ký ,họ tên)	(Ký ,họ tên)

Đã nhận đủ số tiền : Ba triệu năm trăm ba mươi sáu ngàn năm trăm đồng

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng ,bạc, đá quý).....

+ Số tiền quy đổi:.....

Dựa vào các hoá đơn, chứng từ kế toán tập hợp chi phí dịch vụ mua ngoài cho công trình xây trường cấp 2 Xuân Thu:

Nợ TK 1544	: 54.125.000
Nợ TK 133	: 5.412.500
Có TK 112	: 44.547.250
Có TK 111	: 14.990.250

➤ **Chi phí bằng tiền khác**

Bao gồm chi phí tiếp khách, tiền công tác phí...Cuối tháng căn cứ vào các chứng từ có liên quan như phiếu thu, phiếu chi, hoá đơn GTGT được gửi về kế toán hạch toán và theo dõi chi tiết cho từng CT, HMCT:

Kế toán tổng hợp Chi phí bằng tiền khác của Công trình trường cấp 2 Xuân Thu:

Nợ TK 1544:	52.670.000
Nợ TK 133:	5.267.000
Có TK 111:	57.937.000

Để tiện theo dõi và quản lý, kế toán lập bảng tổng hợp chi phí sản xuất chung cho từng CT, HMCT. Dưới đây là bảng tổng hợp chi phí SXC công trình trường Cấp 2 Xuân Thu.

Biểu 2.20: Bảng tổng hợp chi phí sản xuất chung

Công trình trường Cấp 2 Xuân Thu

Tháng 12 năm 2013

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Số tiền
1	Chi phí tiền lương bộ phận quản lý	496.506.720
2	Chi phí vật liệu phục vụ quản lý	92.647.500
3	Chi phí CCDC quản lý	59.430.000
4	Chi phí khấu hao TSCĐ	0
5	Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.125.000
6	Chi phí bằng tiền khác	52.670.000
Tổng cộng		755.379.220

Kế toán tiến hành phản ánh các chi phí sản xuất chung vào sổ nhật ký chung ở biểu 2.21

Biểu 2.21

Đơn vị: CÔNG TY CP ĐTXD & TM Sóc Sơn

Mẫu số S03a –DNN

Địa chỉ: Tổ 4-Thị trấn Sóc Sơn-Hà Nội

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng.

Ngày GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang	
		
11/10	PC22/10	11/10	Mua dây cáp điện phục vụ phân xưởng công trình trường cấp 2 Xuân Thu	1544 133 111	4.800.000 480.000	5.280.000
			
22/10	PC29/10	22/10	Mua NVL phục vụ phân xưởng công trình nhà văn hóa Đông Xuân	1544 133 111	15.000.000 1.500.000	16.500.000
31/10	PC35/10	31/10	Thanh toán tiền điện phục vụ quản lý phân xưởng xi nhiệt xây lắp 1	1544 133 111	13.627.500 1.362.750	14.990.250
		
30/12	PC48/12	30/12	Mua dây dầm rui phục vụ phân xưởng công trình nhà văn hoá Đông Xuân	1544 133 111	1.250.000 125.000	1.375.000
			
			Cộng phát sinh		129.576.209.000	129.576.209.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: phòng kế toán công ty CPĐTXD & TM Sóc Sơn)

Từ sổ Nhật ký chung kế toán phản ánh vào sổ cái TK 154 như biểu 2.22

Biểu 2.22

Đơn vị: Công ty CP ĐTXD & TM Sóc Sơn

Mẫu số S03b – DNN

Địa chỉ: Tổ 4- Thị trấn Sóc Sơn-Hà Nội

(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: 154(trích)

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		6.868.542.000	
....	
11/10	PC22/10	11/10	Mua dây cáp điện phục vụ phân xưởng công trình trường cấp 2 Xuân Thu	111	4.800.000	
	
22/10	PC29/10	22/10	Mua NVL phục vụ phân xưởng công trình nhà văn hóa Đông Xuân	111	15.000.000	
31/10	PC35/10	31/10	Thanh toán tiền điện tháng 10	111	13.627.500	
		
30/12	PC48/12	30/12	Mua dây dầm rùi phục vụ phân xưởng công trình nhà văn hoá Đông Xuân	111	1.250.000	
...
			Cộng số phát sinh		95.432.000.000	90.758.515.000
			Số dư cuối kỳ		11.542.027.000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Từ sổ cái, các chứng từ có liên quan kế toán tập hợp phản ánh vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 154- chi phí SXC (chi tiết cho từng CT, HMCT) như biểu 2.23

Biểu 2.23 Đơn vị: Công ty Cổ phần ĐTXD & TM Sóc Sơn
Địa chỉ: Tổ 4- Thị trấn Sóc Sơn-Sóc Sơn-Hà Nội

Mẫu số S18-DNN

Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Từ ngày 01/10 đến ngày 31/12/2013

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung Số hiệu: 1544

Tên công trình: “xây dựng trường cấp hai Xuân Thu”

Đơn vị tính : đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Tổng tiền	Ghi nợ TK 154					
SH	NT				Chia ra					
					CP nhân viên QLPX	CP Vật Liệu	CP CCDC	CP KH TSCĐ	CP DVMN	CP bằng tiền khác
		<i>Số dư đầu kỳ</i>								
									
PC22/10	11/10	Mua dây cáp điện phục vụ phân xưởng CT Trường Cấp Hai Xuân Thu	111	4.800.000			4.800.000			
							
PC35/10	31/10	Thanh toán hoá đơn tiền điện tháng 10	111	13.627.500					13.627.500	
							
BPBL 12	31/12	Tiền lương nhân viên QLPX	334	150.000.000	150.000.000					
BPBL12	31/12	Các khoản trích theo lương tháng 12	338	34.500.000	34.500.000					
						
		Cộng phát sinh		755.379.220	496.506.720	92.647.500	59.430.000	0	54.125.000	52.670.000
		Ghi có tài khoản	632	755.379.220						
		Số dư cuối kỳ								

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5 Kế toán tổng hợp chi phí và kiểm kê đánh giá sản phẩm dở dang

2.2.5.1 Tổng hợp chi phí

Ở công ty hiện nay áp dụng nguyên tắc hạch toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là tập hợp theo từng khoản mục chi phí của từng công trình và hạng mục công trình như sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- Chi phí nhân công trực tiếp
- Chi phí sử dụng máy thi công
- Chi phí sản xuất chung

Sau khi công tác tập hợp chi phí theo từng khoản mục đã hoàn thành, căn cứ vào số liệu trên các sổ chi phí sản xuất kinh doanh của các khoản mục chi phí phát sinh theo từng công trình hạng mục công trình kế toán thực hiện bút toán kết chuyển để tính giá thành công trình, hạng mục công trình.

2.2.6 Tổ chức tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng và Thương Mại Sóc Sơn

2.2.6.1 Đối tượng và phương pháp tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng và Thương Mại Sóc Sơn

Giá thành là một chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc tính đúng, tính đủ giá thành sản phẩm giúp cho việc phản ánh đúng đắn tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch hạ giá thành trong Công ty, xác định đúng đắn kết quả tài chính, tránh tình trạng lãi giả, lỗ thật. Muốn tính đúng, tính đủ giá thành thì Công ty phải xác định đúng đối tượng và phương pháp tính giá thành sản phẩm.

Công ty đã xác định đối tượng tính giá thành là các công trình và hạng mục công trình hoàn thành nghiệm thu được bên A chấp nhận thanh toán.

Đối với các loại sản phẩm mang tính chất xây dựng cơ bản thì khi hoàn thành, Công ty mới xác định là giá thành thực tế. Khi đó giá thành thực tế của sản phẩm hoàn thành là toàn bộ chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp tới công trình, hạng mục công trình từ lúc khởi công đến khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

Để tính giá thành đầy đủ và chính xác, Công ty áp dụng phương pháp trực tiếp để tính giá thành cho từng công trình, hạng mục công trình hoàn thành. Việc tính giá thành được thực hiện cho từng công trình, hạng mục công trình hay khối lượng công tác xây lắp được chủ đầu tư chấp nhận thanh toán như sau:

$$\text{Giá thành thực tế SP} = \text{Chi phí dở dang đầu kỳ} + \text{Tổng chi phí p/sinh tr.kỳ} - \text{Chi phí dở dang cuối kỳ}$$

Để phục vụ cho mục đích so sánh phân tích chi phí sản xuất và tính giá thành với dự toán giá thành xây lắp có thể chi tiết theo từng khoản mục: chi phí NVLTT, NCTT, chi phí SDMTC, chi phí SXC.

Đánh giá sản phẩm dở dang là tính toán xác định phần chi phí sản xuất trong kỳ mà khối lượng sản phẩm dở dang phải chịu. Việc đánh giá sản phẩm dở dang để chính xác phải kiểm kê khối lượng cụ thể thực hiện kỳ báo cáo.

Công ty đánh giá sản phẩm dở dang áp dụng theo phương pháp chi phí phát sinh trực tiếp. Giá trị sản phẩm dở dang xây lắp cuối kỳ là tổng chi phí trực tiếp phát sinh từ lúc khởi công đến cuối kỳ báo cáo.

VD: Công trình trường cấp II Xuân Thu hoàn thành trong năm nên không có sản phẩm dở dang.

2.2.6.2 Tính giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành

Để phục vụ cho mục đích so sánh phân tích chi phí sản xuất và tính giá thành với dự toán giá thành xây lắp có thể chi tiết theo từng khoản mục: chi phí NVLTT, NCTT, chi phí SDMTC, chi phí SXC.

➤ **Thẻ tính giá thành**

Đối với mỗi công trình, hạng mục công trình, căn cứ vào các sổ phí sản xuất kinh doanh 1541,1542,1543,1544, kế toán tiến hành lập Thẻ tính giá thành cho từng công trình và hạng mục công trình.

Dưới đây là thẻ tính giá thành cho công trình Trường Cấp 2 Xuân Thu mà kế toán đã lập biểu 2.24.

Biểu 2.24: Thẻ tính giá thành

Đối tượng tính giá: Công trình trường cấp 2 Xuân Thu

Ngày 31 Tháng 12 năm 2013

đơn vị: đồng

Khoản mục giá thành	DDĐK	CPPSTK	DDCK	Tổng Z
1.Chi phí NVLTT	0	17.521.376.000	0	17.521.376.000
2.Chi phí NCTT	0	3.856.473.000	0	3.856.473.000
3.Chi phí SDMTC	0	2.501.464.000	0	2.501.464.000
4.Chi phí SXC	0	755.379.220	0	755.379.220
Cộng	0	24.634.692.220	0	24.634.692.220

Sau khi tính được giá thành công trình hoàn thành trong quý kế toán lập phiếu kế toán kết chuyển TK 154 sang TK 632 như biểu 2.25 sau:

Biểu 2.25

CÔNG TY CP ĐTXD & TM SÓC SƠN

Tổ 4- Thị Trấn Sóc Sơn- Sóc Sơn- Hà Nội

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31/12/2013

Số PKT0007

ST T	Diễn giải	Tài khoản		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
1	Kết chuyển CP NVLTT	632	1541	17.521.376.000	
2	Kết chuyển CP NCTTXL	632	1542	3.856.473.000	
3	Kết chuyển CP SDMTC	632	1543	2.501.464.000	
4	Kết chuyển CP SXC	632	1544	755.379.220	
	Cộng			24.634.692.220	

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty CPĐTXD & TM SÓC SƠN)

Từ phiếu kê toán, kê toán ghi vào sổ nhật ký chung như biểu 2.26 sau:

Đơn vị: Công ty CP ĐTXD & TM Sóc Sơn

Mẫu số S03a – DNN

Địa chỉ: Tổ 4- Thị trấn Sóc Sơn-Hà Nội

(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
....	
31/12	PKT0007	31/12	Kết chuyển chi phí NVLTT	632 1541	17.521.376.000	17.521.376.000
31/12	PKT0007	31/12	Kết chuyển chi phí NCTT XL	632 1542	3.856.473.000	3.856.473.000
31/12	PKT0007	31/12	Kết chuyển chi phí SDMTC	632 1543	2.501.464.000	2.501.464.000
31/12	PKT0007	31/12	Kết chuyển chi phí SXC	632 1544	755.379.220	755.379.220
		
			Cộng số phát sinh năm		300.493.023.000	300.493.023.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ Ý KIẾN NHẬN XÉT VÀ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG & THƯƠNG MẠI SÓC SƠN

3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần Đầu Tư Xây Dựng & Thương Mại Sóc Sơn

Hiện nay, khi bước sang nền kinh tế thị trường, các DN được giao quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh, tự chủ về tài chính, đảm bảo hoạt động có hiệu quả, làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước. Đây là cơ hội để các DN phát huy sự chủ động sáng tạo của mình nhưng đồng thời cũng là một áp lực lớn đối với các doanh nghiệp nào không thích nghi được sẽ không thể tồn tại.

Công ty cổ phần Đầu Tư Xây Dựng & Thương Mại Sóc Sơn từ chỗ cơ sở vật chất còn nhiều thiếu thốn, nghèo nàn, lạc hậu với một đội ngũ cán bộ chuyên môn còn hạn chế. Giờ đây Công ty đã vươn lên cùng những biến động sâu sắc và chuyển mình của cơ chế quản lý kinh tế trên địa bàn Hà nội nói riêng và cả nước nói chung. Công ty đã và đang hoà mình vào tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá của đất nước.

Công ty đã xây dựng cho mình một bộ máy quản lý đơn giản và gọn nhẹ, nhưng đầy đủ các phòng ban chức năng, đảm nhận được mọi công việc cơ bản của một doanh nghiệp phải có, đồng thời thực hiện tốt các công việc đặc thù về lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty. Trên thực tế đã cho thấy việc tổ chức bộ máy quản lý của Công ty là khoa học và phù hợp. Trước những biến động của thị trường, bộ máy quản lý của Công ty luôn tỏ ra linh hoạt, thích ứng nhanh và luôn tìm cách đầu tư sao cho có hiệu quả nhất. Có thể nói những thành tựu mà Công ty có được như hiện nay, trước hết là bắt nguồn từ hiệu quả của việc sắp xếp, tổ chức bộ máy quản lý.

Công ty đã thực hiện tuân thủ chế độ chính sách quản lý kinh tế của Nhà nước, khai thác sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, làm tròn nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước. Đồng thời không ngừng mở rộng thị trường, đáp ứng nhu cầu về công trình xây lắp của các địa phương, thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

Trong quá trình thi công xây lắp, Công ty luôn chú trọng tới các mục tiêu an toàn, chất lượng và bảo đảm tiến độ thi công...Đồng thời, Công ty tổ chức các hội thi tay nghề, thi an toàn lao động...nhằm làm cho công nhân nâng cao được trình độ tay nghề, tinh thần trách nhiệm với công việc. Chính vì vậy Công ty đã có nhiều khách hàng với những công trình có giá trị lớn, đảm bảo đủ việc làm và nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên.

3.1.1 Ưu điểm

Góp phần vào những thành tích chung của Công ty phải kể đến những thành công trong công tác kế toán, đặc biệt là kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm tại Công ty. Điều đó được thể hiện qua những mặt sau:

* **Về bộ máy kế toán:** Phòng kế toán của Công ty cũng được bố trí gọn nhẹ, hợp lý, phân công công việc cụ thể rõ ràng. Với số lượng nhân viên như vậy bộ máy kế toán đã phối hợp hoạt động có hiệu quả và Công ty có điều kiện chuyên môn hoá lao động kế toán theo các phần hành.

Đội ngũ cán bộ kế toán của Công ty đều có trình độ đại học, có kinh nghiệm lâu năm và sự nhiệt tình, luôn luôn cố gắng trau dồi, bổ sung kiến thức cho phù hợp với công tác. Cũng như sự nhạy bén trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp thông tin kế toán.

Công ty luôn tạo điều kiện tổ chức bồi dưỡng, đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho các bộ nhân viên kế toán để phù hợp với tình hình mới. Bên cạnh đó, trong quá trình công tác, dựa vào những vấn đề thực tiễn nảy sinh các cán bộ kế toán luôn mạnh dạn đề xuất ý kiến của mình. Đưa ra trao đổi, bàn bạc nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán ở Công ty.

* **Về hình thức kế toán:** Công ty đã áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung rất gọn nhẹ, rõ ràng, phù hợp với yêu cầu quản lý của Công ty.

Công ty chấp hành đầy đủ các chế độ chính sách do Nhà nước quy định, ghi chép đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên hệ thống sổ sách. Nhờ đó công tác kế toán ở Công ty đã góp phần không nhỏ trong việc bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh ở Công ty để đạt hiệu quả kinh tế cao.

* **Hệ thống chứng từ kế toán:** được lập theo đúng mẫu qui định của Bộ Tài Chính và phù hợp với loại hình sản xuất kinh doanh của đơn vị. Việc tập hợp, bảo quản, lưu trữ được tổ chức thực hiện một cách khoa học, hợp lý và đúng theo quy định. Nhìn chung, hệ thống chứng từ ban đầu của Công ty được kiểm tra khá chặt chẽ, hợp lý, đảm bảo đúng đắn của số liệu.

* **Về hệ thống báo cáo tài chính:** Công ty luôn lập đủ và đúng thời hạn các Báo cáo tài chính theo quy định bắt buộc của Bộ Tài Chính và các báo cáo quản trị theo yêu cầu nội bộ.

* **Về phương pháp tập hợp CPSX và tính giá thành sản phẩm**

Công tác này đã được Công ty phản ánh đúng thực trạng, đáp ứng được yêu cầu quản lý mà Công ty đặt ra, đảm bảo được sự thống nhất về phạm vi và phương pháp tính toán các chỉ tiêu kế toán và các bộ phận có liên quan. Công ty đã vận dụng phương pháp trực tiếp để tính giá thành sản phẩm. Đây là phương pháp tính giá thành tương đối dễ dàng, chính xác. Với phương pháp này kế toán chỉ phải tập hợp đầy đủ chi phí cho từng công việc, từng hạng mục công trình. Bên cạnh các chi phí trực tiếp được tập hợp ngay, các chi phí gián tiếp (chi phí chung) được phân bổ theo một tiêu thức nhất định.

3.1.2 Nhược điểm

Bên cạnh những mặt tích cực trong công tác hạch toán CPSX và tính giá thành sản phẩm, tại Công ty vẫn còn những mặt hạn chế cần phải khắc phục để đi đến hoàn thiện.

Qua tìm hiểu thực tập tại phòng kế toán tài vụ của công ty cổ phần Đầu tư xây dựng & Thương mại Sóc Sơn và đi sâu về phân hành kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm tại công ty em nhận thấy công tác kế toán này còn có một số những hạn chế cụ thể sau:

1) Quản lý chi phí nguyên vật liệu

Tại công ty vật tư chủ yếu là mua ngoài ở thị trường và mua theo từng đợt theo yêu cầu sử dụng và tiến độ thi công nên nguồn cung cấp, giá cả không ổn định. Công ty vẫn chưa có được những nhà cung cấp uy tín, đảm bảo chất lượng về mặt giá cả Do đó nó đã gây khó khăn cho công tác quản lý chi phí nguyên vật liệu vì công trình xây dựng thường kéo dài nên có nhiều biến động kèm theo sự biến động cung cầu trên thị trường làm ảnh hưởng đến CPSX và giá thành sản phẩm.

2) Về trích các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN)

Đối với số công nhân trực tiếp sản xuất và công nhân trực tiếp vận hành máy thi công trong danh sách biên chế của công ty thì Công ty không tiến hành trích các khoản trích theo lương cho người lao động nên chưa bảo đảm được

quyền lợi cho người lao động cũng như chưa khuyến khích được người lao động hăng say tích cực hơn trong công việc. Vì vậy, hiệu quả sản xuất chưa cao.

3) Về sổ sách tài khoản áp dụng khi tập hợp chi phí sản xuất tính giá thành sản phẩm

Khi tập hợp chi phí sản xuất để tính giá thành sản phẩm kế toán tập hợp chi phí qua các sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 1541- CPNVLTT, 1542- CPNCTT, 1543-CPSDMTC, 1544-CPSXC chi tiết theo từng công trình, hạng mục công trình sau đó tiến hành lập bảng tính giá thành cho CT, HMCT. Việc sử dụng nhiều sổ sách như vậy khiến cho việc tập hợp chi phí trở nên phức tạp, mất nhiều thời gian và khá dườm dề.

4) Hạch toán chi phí thiệt hại trong sản xuất:

Trong ngành xây lắp thường có các khoản thiệt hại trong sản xuất. Các khoản thiệt hại này bao gồm: Thiệt hại phá đi làm lại và thiệt hại về ngừng sản xuất. Đây là những khoản chi phí không ghi trong kế hoạch và dự toán, là một trong những nhân tố làm tăng giá thành công tác xây lắp. Chính vì vậy, kế toán phải phản ánh đầy đủ, chính xác cho từng trường hợp thiệt hại. Khi phát sinh thiệt hại các đội không tiến hành lập các biên bản xác định thiệt hại để xác định rõ nguyên nhân, người chịu trách nhiệm làm sai lệch thông tin kế toán. Như vậy, công ty cũng không thể đánh giá được hiệu quả sản xuất kinh doanh của các đội để có thể đưa ra biện pháp xử lý kịp thời.

5) Về việc trích lập dự phòng về bảo hành công trình xây lắp:

Hiện tại công ty không tiến hành trích lập dự phòng về bảo hành công trình xây lắp. Do đó khi các khoản chi phí này phát sinh sẽ làm tăng chi phí bất thường và giảm lợi nhuận trong kỳ của Công ty. Việc hạch toán giá thành của từng công trình sẽ không chính xác.

6) Về việc luân chuyển chứng từ:

Để có thể hạch toán, tập hợp được chi phí thì kế toán cần phải có những chứng từ hoá đơn được gửi về phòng kế toán. Chỉ khi nhân viên kinh tế đội gửi chứng từ về lúc đó phòng kế toán mới tập hợp được chi phí phát sinh trong tháng.

Cũng như các doanh nghiệp kinh doanh khác công ty có địa bàn hoạt động rộng nên việc gửi chứng từ của các đội về công ty thường bị chậm chễ, làm cho việc hạch toán không kịp thời, hơn nữa khối lượng công việc bị dồn vào một thời

điểm có thể dẫn tới sai sót không đáng có như bỏ sót nghiệp vụ, ghi nhầm số liệu. Những điều này làm sai lệch thông tin kế toán cung cấp cho quản lý.

Vì vậy, công ty nên quy định thời điểm nộp chứng từ cho các đội để có thể đẩy nhanh việc luân chuyển chứng từ giữa các đội và phòng kế toán của công ty.

7) Về việc ứng dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán:

Đối với các doanh nghiệp xây lắp, khối lượng công việc lớn, thời gian thi công dài, công trình nằm rải rác việc áp dụng kế toán thủ công gây ra không ít khó khăn cho công việc hạch toán, tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Công ty đã trang bị hệ thống máy tính hiện đại tuy nhiên máy tính chỉ dùng để soạn thảo văn bản, in mẫu sổ sách và ứng dụng Excel tính lương trong bảng thanh toán lương, khấu hao hàng tháng cho TSCĐ... Công việc kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm dồn vào cuối tháng nên ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán.

3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán Chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng & Thương Mại Sóc Sơn

3.2.1 Tính tất yếu phải hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng & Thương Mại Sóc Sơn

Ngày nay, xu hướng hội nhập cùng với toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ trong tất cả lĩnh vực. Trong đó lĩnh vực kế toán là một công cụ quan trọng trong công tác quản lý kinh tế giúp các doanh nghiệp phát triển và thành đạt. Chính vì vậy Nhà nước ta vẫn đang tiếp tục xây dựng luật, chuẩn mực và ban hành các thông tư hướng dẫn kế toán để có xu hướng phù hợp với tiêu chuẩn chung của quốc tế. Đứng trước những thay đổi đó Công ty cần phải có những biện pháp kế toán sao cho phù hợp với đặc điểm kinh doanh của đơn vị mình, cập nhật các chuẩn mực kế toán mới, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán. Do vậy tính tất yếu của Công ty là phải hoàn thiện công tác kế toán để phù hợp với chuẩn mực chung của quốc tế, hòa nhập với sự phát triển của thế giới và có khả năng cạnh tranh đối với doanh nghiệp trong và ngoài nước.

3.3. Nội dung và giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng & Thương Mại Sóc Sơn

3.3.1. Yêu cầu của công tác hoàn thiện

Việc tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý chính là điều kiện quan trọng để thực hiện tốt chức năng và phát huy vai trò kế toán trong công tác quản lý. Vì vậy, việc tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp cần tôn trọng các nguyên tắc, yêu cầu sau:

- Tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp phải phù hợp với luật kế toán Việt Nam, phù hợp với yêu cầu quản lý vĩ mô của Nhà nước.
- Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp xây lắp phải phù hợp với chế độ chính sách, thể lệ, văn bản pháp quy về kế toán do Nhà nước ban hành.
- Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp xây lắp phải phù hợp với đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động quản lý và địa bàn hoạt động của doanh nghiệp xây lắp.
- Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp xây lắp phải phù hợp với yêu cầu, trình độ quản lý của doanh nghiệp xây lắp.
- Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp xây lắp phải gọn nhẹ, tiết kiệm, hiệu quả.

Theo đó để công tác hoàn thiện là thực sự có chất lượng và có thể đi vào thực tiễn, công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm phải đảm bảo đúng chuẩn mực kế toán mà Nhà nước quy định.

3.3.2. Một số giải pháp

3.3.2.1 Ý kiến thứ nhất: Về chi phí nguyên vật liệu

Chi phí NVL chiếm tỷ lệ lớn trong giá thành sản phẩm nên việc kiểm soát chặt chẽ chi phí này là rất quan trọng. Tại công ty vật tư chủ yếu là mua ngoài ở thị trường và mua theo từng đợt theo yêu cầu sử dụng và tiến độ thi công nên nguồn cung cấp, giá cả không ổn định. Do đó, việc mua vật tư cần phải được lập kế hoạch chặt chẽ, được cung cấp cho đội sản xuất kịp thời, tránh bị thiếu hụt gây gián đoạn thi công, hay dư thừa gây lãng phí. Công ty nên tìm những nhà cung cấp vật tư có uy tín, là khách hàng thường xuyên, cung cấp đầy đủ, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu thi công, hạn chế chi phí vận chuyển, đảm bảo ổn định giá cả góp phần ổn định chi phí nguyên vật liệu trực tiếp không có quá nhiều biến động do cung cầu trên thị trường.

3.3.2.2 Ý kiến thứ hai: Về việc tiến hành trích các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN) đối với công nhân trực tiếp xây lắp

Trong Công ty hiện nay không tiến hành trích các khoản trích theo lương (BHYT, BHXH, KPCĐ, BHTN) cho công nhân trực tiếp sản xuất và công nhân trực tiếp vận hành máy thi công (đều là công nhân trong biên chế). Do đó để khuyến khích người lao động tích cực, hăng say hơn trong công việc góp phần tăng năng suất lao động và chất lượng công trình, đồng thời đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo đúng luật lao động và tạo mối quan hệ gắn bó lâu dài giữa họ và doanh nghiệp, công ty nên tiến hành trích các khoản trích theo lương cho số công nhân trực tiếp sản xuất nằm trong danh sách biên chế của công ty, số công nhân hợp đồng có thời gian làm việc từ 3 tháng trở lên và công nhân vận hành máy thi công theo chế độ quy định.

Năm 2014 tỉ lệ trích các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN được quy định như sau:

Biểu 3.1

Chỉ tiêu	Người lao động	Người sử dụng lao động
1. BHXH: 26%	8%	18%
2. BHYT: 4,5%	1,5%	3%
3. BHTN: 2%	1%	1%
4. KPCĐ: 2%	-	2%
Tổng	10,5%	24%

Đối với lực lượng công nhân thuê ngoài (thường là số lượng rất lớn), Doanh nghiệp nên có những khoản khen thưởng, trợ cấp cho những cá nhân, tổ, đội sản xuất có kết quả lao động tốt, tiến độ thi công nhanh, sử dụng tiết kiệm tránh lãng phí vật tư, thiết bị nhằm khuyến khích người lao động làm việc tốt hơn, có trách

nhiệm hơn đối với công việc từ đó góp phần giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

3.3.2.3 Ý kiến thứ 3: Về việc sử dụng tài khoản 154 cấp 2 và sổ sách sử dụng để hạch toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại doanh nghiệp

Trong quá trình hạch toán, doanh nghiệp thường sử dụng sổ chi phí sản xuất kinh doanh tài khoản 154 cấp hai như: 1541- CPNVLTT, 1542-CPNCTT, 1543- CPSDMTC, 1544-CPSXC để theo dõi cho từng công trình, hạng mục công trình. Sau đó đến cuối kỳ tính giá tập hợp chi phí tính giá thành sản phẩm, có thể nói quá trình hạch toán này của doanh nghiệp khá là dài dòng làm cho các nghiệp vụ được phản ánh lặp đi lặp lại ở các sổ sách, khiến cho công việc tập hợp chi phí trở nên mất nhiều thời gian hơn với người kế toán và chưa phù hợp với quyết định 48. Do đó theo em doanh nghiệp chỉ nên mở một sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 154- Tên công trình để tiện theo dõi và tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành cho CT, HMCT đó. Làm như vậy doanh nghiệp vẫn có thể theo dõi kiểm soát một cách chặt chẽ các khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm mà không cần phải chi tiết đến từng khoản mục chi phí. Hơn nữa, việc làm này cũng phù hợp chế độ theo quyết định 48.

Ví dụ: Đối với công trình trường Cấp 2 Xuân Thu

Doanh nghiệp chỉ cần mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 1541-Cấp 2 Xuân Thu để tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành và sẽ không cần phải mở các sổ chi phí SXKD theo các khoản mục chi phí NVLTT, NCTT, SDMTC, SXC.

Tương tự, với các công trình khác thì doanh nghiệp cũng chỉ nên mở một sổ chi phí sản xuất kinh doanh để theo dõi như:

TK 1542- nhà VH Đông Xuân

TK 1543- Đường 16

TK 1544- Nhà Phù Lỗ

Dưới đây là sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 1541- Cấp 2 Xuân Thu

Biểu 3.2

Đơn vị: Công ty Cổ phần ĐTXD & TM Sóc Sơn
Địa chỉ: Tổ 4- Thị trấn Sóc Sơn-Sóc Sơn-Hà Nội

Mẫu số S18-DNN

Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Từ ngày 01/10 đến ngày 31/12/2013

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: 1541

Tên công trình: **“xây dựng trường cấp hai Xuân Thu”**

Đơn vị tính : đồng

Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Tổng tiền	Ghi nợ TK 154			
SH	NT				Chia ra			
					CP NVLTT	CP NCTTXL	CP SDMTC	CP SXC
		<i>Số dư đầu kỳ</i>						
							
PX 02/10	02/10	Xuất thép phục vụ thi công CT XT	152	184.625.000	184.625.000			
GBN số 14	10/10	Mua gạch đinđ đặc, đá viên phục vụ thi công CT	112	455.000.000	455.000.000			
							
GBN số 29	25/10	Thuê máy trộn bê tông phục vụ công trình	112	347.792.218			347.792.218	
							
PC35/10	31/10	Thanh toán hoá đơn tiền điện tháng 10	111	13.627.500				13.627.500
GBN số 23	31/10	Thanh toán lương khoán cho công nhân ở hợp đồng giao khoán 12	112	705.000.000		705.000.000		
							
		Cộng phát sinh		24.634.692.220	17.521.376.000	3.856.473.000	2.501.464.000	755.379.220
		Ghi có tài khoản	632	24.634.692.220				
		<i>Số dư cuối kỳ</i>						

Người lập sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

3.3.2.4 Ý kiến 4: Hoàn thiện hạch toán chi phí thiệt hại trong sản xuất

Khi phát sinh các khoản thiệt hại thì chi phí vật tư, nhân công, máy thi công sẽ tăng lên. Tuy nhiên các khoản chi phí này lại không được tính vào giá thành công trình. Do đó không phản ánh đúng được giá thành công trình.

Đối với những thiệt hại phát sinh từ nguyên nhân chủ quan, chẳng hạn do lỗi trực tiếp của cá nhân, Công ty cần yêu cầu cá nhân sai phạm phải bồi thường bằng tiền mặt hoặc trừ vào lương để nâng cao ý thức trách nhiệm cho đội ngũ lãnh đạo và cán bộ công nhân của Công ty

Nợ TK 1381: Xử lý giá trị thiệt hại

Có TK 154:

Sau đó tùy nguyên nhân có thể xử lý như sau:

Nợ TK 131: Nếu nhà đầu tư chịu

Nợ TK 1388: Nếu người đầu tư chịu

Có TK 1381:

Đối với những thiệt hại phát sinh từ nguyên nhân khách quan không thể tránh được, công ty nên tính vào chi phí khác

Nợ TK 811

Có TK 111, 334, 152...

3.3.2.5 Ý kiến thứ 5: Tiến hành trích lập dự phòng chi phí bảo hành công trình xây lắp:

Nội dung bảo hành công trình bao gồm: khắc phục, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng, khiếm khuyết hoặc khi công trình vận hành, sử dụng không bình thường do lỗi của nhà thầu gây ra. Xuất phát từ các đặc điểm của ngành xây lắp là sản phẩm mang tính đơn chiếc, khối lượng lớn, giá trị sử dụng lâu dài, chỉ có thể nhận biết được chất lượng của công trình sau khi bàn giao và đưa vào sử dụng, thời hạn bảo hành dài thường là 12 tháng, 24 tháng hoặc dài hơn (tùy từng công trình). Vì vậy, việc lập dự phòng về bảo hành công trình xây lắp phải được tính toán một cách chặt chẽ (lập dự toán chi phí trích trước). Thực tế, Công ty không trích lập dự phòng các khoản chi phí này do đó khi các khoản chi phí này phát sinh sẽ làm tăng chi phí bất thường và giảm lợi nhuận trong kỳ của Công ty. Nhằm giảm bớt và loại bỏ sự bất ổn của chi phí các kỳ sản xuất kinh doanh, kế toán nên tiến hành trích lập dự phòng bảo hành công trình xây lắp.

❖ Khi trích lập dự phòng chi phí bảo hành công trình ghi:

Nợ TK 154:

Có TK 352:

❖ Khi phát sinh chi phí bảo hành công trình:

Nợ TK 154:

Nợ TK 133:

Có TK 111, 112, 152:

❖ Cuối kỳ kết chuyển:

Nợ TK 632:

Có TK 154:

❖ Khi công việc bảo hành hoàn thành, bàn giao:

Nợ TK 352:

Có TK 632:

❖ Nếu số trích lập dự phòng lớn hơn chi phí bảo hành thực tế và công trình đã hết thời hạn bảo hành thì phải hoàn nhập số dự phòng đã lập:

Nợ TK 352:

Có TK 711:

3.3.2.5 Ý kiến thứ 6: Việc luân chuyển chứng từ

Nhằm khắc phục tình trạng luân chuyển chứng từ chậm trễ dẫn đến hậu quả là công việc dồn ép vào cuối kỳ, dễ mắc phải sai lầm thiếu sót trong tính toán, không cập nhật sổ sách theo đúng quy định thì doanh nghiệp nên đôn đốc nhân viên kinh tế đội công trình nộp chứng từ theo đúng thời gian quy định chậm nhất là cuối tháng để tránh trường hợp chi phí phát sinh tháng này lại chuyển sang tháng sau mới được hạch toán. Đồng thời khi bàn giao chứng từ cần có sổ giao nhận chứng từ để làm căn cứ xác định trách nhiệm trong việc bàn giao, bảo quản chứng từ. Đưa ra hình thức khiển trách và kỷ luật đối với các trường hợp không tuân thủ đúng, đồng thời khuyến khích cán bộ nhân viên nâng cao tinh thần trách nhiệm, tích cực lao động sáng tạo bằng các hình thức khen thưởng phù hợp. Ngoài ra công ty nên cử nhân viên thường xuyên xuống các công trình để giám sát kiểm tra việc ghi chép cập nhật chứng từ nhằm ngăn chặn những tiêu cực có thể xảy ra như tránh tiếp nhận những chứng từ không hợp lệ.

3.3.2.6 Ý kiến thứ 7: Vấn đề ứng dụng phần mềm kế toán ở Công ty

Do công việc của phòng kế toán rất nhiều đặc biệt là vào cuối kỳ kế toán mà công ty mới chỉ sử dụng máy vi tính với các phần mềm tin học văn phòng đơn giản như Word, Excel để thay thế cho việc ghi chép thủ công nên vẫn có thể xảy ra sai sót trong việc hạch toán.

Theo em Công ty nên trang bị phần mềm kế toán để giảm thiểu công việc kế toán viên, đồng thời phần mềm kế toán cũng tạo hiệu quả công việc cao hơn, tránh sai sót mà lại nhanh chóng tiện lợi.

- Phần mềm kế toán SAS INNOVA của công ty cổ phần SIS Việt Nam
- Phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING của Công ty CP FAST Việt Nam.
- Phần mềm kế toán MISA của Công ty cổ phần MISA
- Phần mềm kế toán SMART
- Phần mềm kế toán GAMA
- phần mềm kế toán máy **CicAccount**



Công ty nên lựa chọn phần mềm kế toán phù hợp với lĩnh vực hoạt động và tổ chức lớp đào tạo bồi dưỡng cách sử dụng phần mềm kế toán cũng như là trình độ tin học văn phòng của nhân viên phòng kế toán để nâng cao hiệu quả làm việc, và giảm nhẹ số lượng công việc cho cán bộ công nhân viên phòng kế toán.

3.3.4. Điều kiện thực hiện các giải pháp

- Về phía Nhà nước: Cần hoàn thiện hơn nữa hệ thống văn bản pháp luật kế toán phù hợp hơn cho các đối tượng doanh nghiệp.

- Về phía Công ty: Cần quan tâm đến việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung, kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng. Kế toán trưởng cần phải thường xuyên đôn đốc kiểm tra, đồng thời chỉ đạo các nhân viên thực hiện đúng chế độ kế toán mà Công ty áp dụng. Công ty nên thiết lập bộ phận kế toán quản trị để kết hợp với phòng kỹ thuật lập kế hoạch thi công, theo dõi thực hiện thi công các công trình nhằm lên kế hoạch mua vật tư chính xác, chặt chẽ hơn. Công ty cần tìm kiếm cho mình những khách hàng uy tín phù hợp với khả năng sản xuất của Công ty.

Trên đây là một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng & TM Sóc Sơn. Em mong rằng những ý kiến đóng góp đó sẽ có tác dụng tích cực đối với công tác kế toán tại Công ty.

KẾT LUẬN

Hạch toán CPSX và tính giá thành sản phẩm là một phần hành kế toán phức tạp song lại rất quan trọng trong toàn bộ công tác hạch toán ở các doanh nghiệp xây dựng. Và đó cũng là điều kiện giúp các doanh nghiệp xây dựng tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

Trong doanh nghiệp xây dựng, việc tính giá thành được tốt thì đòi hỏi việc tập hợp chi phí phải có độ chính xác cao. Các chi phí đó phát sinh liên tục và rất đa dạng. Do đó, việc tính giá thành thực tế để xác định ngược lại các khoản chi phí đã bỏ ra để sản xuất sản phẩm, tiết kiệm hay lãng phí, có hiệu quả hay không mà từ đó đặt ra được các chỉ tiêu phấn đấu nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí và hạ giá thành sản phẩm.

Xuất phát từ quan điểm trên, vì vậy trong thời gian thực tập ở Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng & Thương mại Sóc Sơn trên cơ sở lý luận đã được học và tình hình thực tế của Công ty, em đã đi sâu vào nghiên cứu và tìm hiểu công tác hạch toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm. Với đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng & Thương mại Sóc Sơn “bài khoá luận tốt nghiệp” của em đã trình bày thực tế kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty. Bên cạnh đó, chuyên đề còn đề cập tới những ý kiến đóng góp của em nhằm hoàn thiện tổ chức công tác hạch toán CPSX và tính giá thành sản phẩm ở Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng & Thương mại Sóc Sơn thời gian thực tập ở Công ty là cơ hội để em nắm bắt và xâm nhập vào thực tế, củng cố những kiến thức lý luận đã được lĩnh hội ở nhà trường, từ đó có sự so sánh với thực tế. Là một sinh viên sắp tốt nghiệp kiến thức về thực tiễn và lý luận còn non nớt, với thời gian thực tập không nhiều nên trình độ lý luận của em còn hạn chế cho nên dù nhận được sự hướng dẫn nhiệt tình của thầy giáo hướng dẫn cùng với sự chỉ bảo giúp đỡ của các cô chú và anh chị trong phòng kế toán tài chính của Công ty cổ phần Đầu Tư Xây Dựng & Thương Mại Sóc Sơn, song bài viết của em cũng không tránh được những sai sót. Vì vậy em rất mong được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến thêm của các thầy cô để bài viết của em được hoàn chỉnh hơn.

Em xin chân thành cảm ơn sâu sắc đến giảng viên hướng dẫn Th.S Phạm Văn Tường và các cô chú, anh chị trong phòng Kế toán - Tài vụ của Công ty CP ĐTXD & TM Sóc Sơn đã giúp em hoàn thành bài đề tài này.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kế toán và phân tích chi phí – giá thành trong doanh nghiệp Học viện tài chính – PGS, TS, Nguyễn Đình Đỗ - TS, Trương Thị Thủy (Nhà xuất bản tài chính năm 2006)
2. Kế toán chi phí giá thành – Khoa kinh tế - TS, Phan Đức Dũng đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh(Nhà xuất bản Thống kê năm 2007)
3. Chế độ kế toán quyền 1 và quyền 2 – Bộ Tài Chính ban hành
4. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam – năm 2006
5. Khoá luận của các anh chị khoá trước của trường Đại học Dân Lập Hải Phòng